

Kinh tế vĩ mô 6 tháng năm 2020: Những điểm nổi bật

Những điểm nổi bật của kinh tế, giá cả, tài chính tiền tệ quốc tế

- Kinh tế toàn cầu chịu tác động mạnh từ đại dịch Covid, các nền kinh tế đầu tàu đều đối mặt với tình trạng tăng trưởng sụt giảm; các hoạt động thương mại, đầu tư, sản xuất đều giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái;
- Giá cả hàng hóa toàn cầu giảm liên tục trong 4 tháng đầu năm và mới chỉ hồi phục trở lại trong 2 tháng gần đây. Giá dầu biến động mạnh, đặc biệt trong tháng 3 và tháng 4 do nhu cầu giảm sút và sự thiếu hụt các kho dự trữ;
- Chỉ số USD Index tăng liên tục trong 4 tháng đầu năm và giảm trong 2 tháng gần đây; Nhiều đồng tiền chủ chốt đã giảm so với đồng USD, ngoại trừ đồng EUR và đồng JPY; Vàng tiếp tục tăng giá mạnh;
- Thị trường chứng khoán toàn cầu giảm mạnh trong quý I và hồi phục trở lại trong quý II;
- NHTW tại khắp các châu lục phải thực hiện các biện pháp nới lỏng CSTT để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Những điểm nổi bật của kinh tế trong nước

- Tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm ước đạt 1,81%, là mức tăng nửa năm thấp nhất trong giai đoạn 10 năm trước ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid – 19;
- Điều kiện sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo bị thu hẹp mạnh mẽ trước tác động của đại dịch;
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng có những biến động mạnh;
- Vốn đầu tư toàn xã hội đạt mức tăng trưởng thấp nhất trong 5 năm, vốn đầu tư từ khu vực Nhà nước đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất, vốn đầu tư từ khu vực nước ngoài đã giảm;
- Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước 6 tháng đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2016 – 2020 nhờ các biện pháp giải ngân đầu tư công từ phía Chính phủ được triển khai tích cực;
- Vốn FDI thu hút mới và vốn FDI bổ sung vẫn tăng so với cùng kỳ, tuy nhiên vốn góp mua cổ phần và vốn FDI thực hiện đã giảm, đáng chú ý là tốc độ giảm 56,8% so với cùng kỳ của vốn góp mua cổ phần;
- Kim ngạch xuất nhập khẩu 6 tháng giảm so với cùng kỳ, cán cân thương mại 6 tháng ước xuất siêu 4 tỷ USD;
- Thu NSNN chậm hơn so với cùng kỳ năm ngoái; chi đầu tư phát triển có sự cải thiện;
- Lãi suất điều hành đã được điều chỉnh giảm khá mạnh; Lãi suất huy động trong nền kinh tế cũng giảm theo tín hiệu điều hành của NHNN; Lãi suất cho vay giảm; Lãi suất liên ngân hàng giảm mạnh;
- Giá vàng tăng mạnh theo giá vàng quốc tế; Tỷ giá tăng thấp hơn so với 6 tháng đầu năm 2019;
- Thị trường chứng khoán Việt Nam biến động mạnh trong quý I và hồi phục trở lại trong quý II, là một trong những thị trường giảm điểm mạnh nhất trong khu vực.

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. Kinh tế thế giới

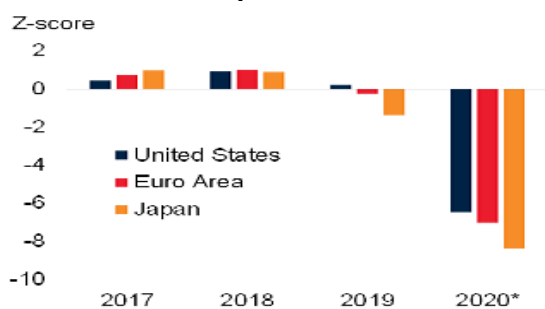
6 tháng đầu năm 2020, những diễn biến bất ngờ của dịch Covid 19 đã tác động đến kinh tế toàn cầu trên mọi mặt. Sự lây lan nhanh của dịch bệnh đã đặt ra yêu cầu phải cách ly các nền kinh tế ở cấp độ toàn cầu, từ đó khiến toàn bộ hoạt động thương mại, sản xuất trên thế giới đều trở nên đình trệ. Sự suy giảm tăng trưởng diễn ra rõ nét tại tất cả các quốc gia, các khu vực, tác động tới cả các nền kinh tế phát triển cũng như các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi. Bên cạnh đó, diễn biến các thị trường tài chính, tiền tệ cũng trải qua các xáo trộn lớn, càng làm trầm trọng thêm diễn biến phức tạp của kinh tế toàn cầu trong nửa đầu năm 2020.

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu suy giảm mạnh

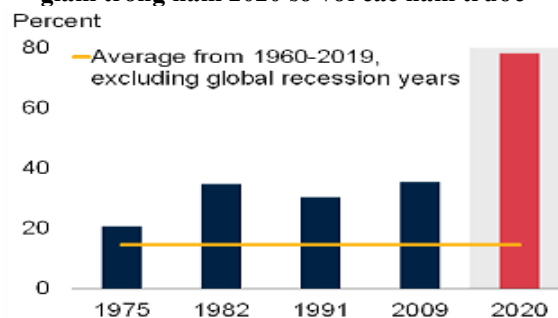
Kinh tế toàn cầu 6 tháng đầu năm 2020 đã đối diện với tình trạng suy giảm trên diện rộng. Số liệu thống kê tăng trưởng kinh tế quý I tại nhóm các nền kinh tế phát triển cũng như nhóm các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi đều suy giảm mạnh. Trong đó, hầu hết các nền kinh tế phát triển (Mỹ, Anh, khu vực EU, Nhật Bản,...) đều rơi vào tình trạng tăng trưởng âm và tại nhiều nền kinh tế đang phát triển và mới nổi chủ chốt (Trung Quốc, Ấn Độ, Nga, các nước thuộc khu vực Đông Nam Á,...), tốc độ tăng trưởng ở mức thấp hơn nhiều ước tính ban đầu.

Tác động của dịch bệnh cùng các biện pháp kiểm soát phòng chống của các nền kinh tế đã đẩy các hoạt động kinh tế toàn cầu rơi vào trạng thái gián đoạn, sự sụt giảm diễn ra trên tất cả các lĩnh vực trụ cột như thương mại, đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu dùng, thị trường lao động,... Đặc biệt hơn nữa, những diễn biến kinh tế thực đã ảnh hưởng mạnh đến các thị trường tài chính, tiền tệ, tín dụng,..., từ đó ảnh hưởng mạnh đến niềm tin của các nhà đầu tư.

Sự sụt giảm trong chỉ số niềm tin tại các nền kinh tế phát triển



Dự báo tỷ lệ các nước đang phát triển và mới nổi suy giảm trong năm 2020 so với các năm trước



Nguồn: Global Economic Prospects Report, WB, 6/2020

Hoạt động sản xuất toàn cầu thu hẹp ở mức độ mạnh nhất trong lịch sử giao dịch

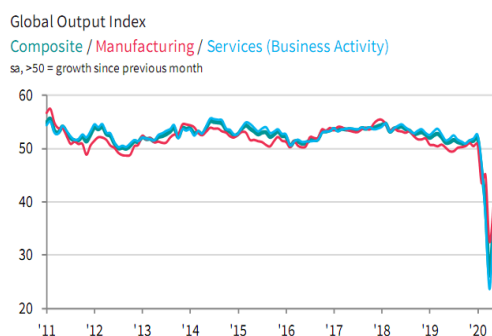
Hoạt động sản xuất toàn cầu, phản ánh qua chỉ số PMI tổng hợp chỉ giữ được ở ngưỡng mở rộng trên 50 điểm trong tháng 1, sau đó rơi vào tình trạng thu hẹp liên tục trong những tháng còn lại. Chỉ số PMI tổng hợp đã giảm liên tục kể từ tháng 2 đến hết tháng 4, chạm đáy ở mức thấp nhất trong lịch sử giao dịch chỉ số này là 26,5 điểm trong tháng 4 và đang có xu hướng phục hồi trở lại kể từ tháng 5. Mặc dù vậy, tính đến hết tháng 6, chỉ số PMI tổng hợp vẫn chỉ đạt 47,7 điểm, chưa quay trở lại được ngưỡng mở rộng.

Diễn biến tương tự được ghi nhận trong cả hai khu vực chế biến chế tạo và khu vực dịch vụ, trong đó chỉ số PMI của cả hai khu vực đều chạm đáy trong tháng 4 ở mức lần lượt là 26,2 điểm đối với khu vực sản xuất và 23,7 điểm đối với khu vực dịch vụ. Mặc dù chứng kiến sự hồi phục trong 2 tháng gần đây

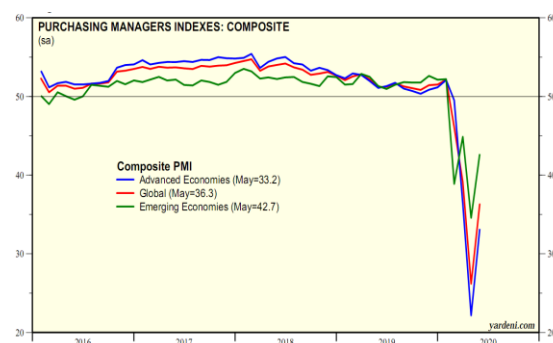
nhưng cả 2 khu vực đều chưa thể quay trở lại được ngưỡng mở rộng như thời điểm trước khi chịu tác động của dịch bệnh.

Sự thu hẹp của chỉ số PMI diễn ra trên tất cả các nhóm nền kinh tế, trong đó nhóm các nền kinh tế phát triển chịu tác động mạnh hơn khi sụt giảm xuống mức thấp nhất chỉ còn gần 20 điểm trong tháng 4. Nhóm các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi cũng ghi nhận sự sụt giảm của chỉ số PMI nhưng mức độ giảm thấp hơn, xuống mức thấp nhất còn khoảng 34 điểm trong tháng 4.

Diễn biến chỉ số PMI tổng hợp toàn cầu và các chỉ số thành phần



Diễn biến chỉ số PMI toàn cầu phân theo các khu vực kinh tế



Nguồn: Nikkei Markit

Sự sụt giảm mạnh của chỉ số PMI toàn cầu trong nửa đầu năm 2020 được đánh giá là do quá trình bùng phát đại dịch Covid đã làm gia tăng các biện pháp phong tỏa trên toàn cầu, khiến toàn bộ hoạt động sản xuất bị ngưng trệ. Điều đó được thể hiện qua tất cả các chỉ số thành phần cấu tạo nên chỉ số PMI chung như sản lượng đầu ra, số lượng đơn đặt hàng mới, số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới, sản lượng tương lai, tỷ lệ thất nghiệp, giá cả đầu vào, giá cả đầu ra đều ở trong tình trạng thu hẹp liên tục kể từ đầu năm đến nay, trong đó tháng 4 ghi nhận mức thu hẹp mạnh nhất.

Diễn biến các chỉ số thành phần của chỉ số PMI tổng hợp toàn cầu 6 tháng đầu năm 2020

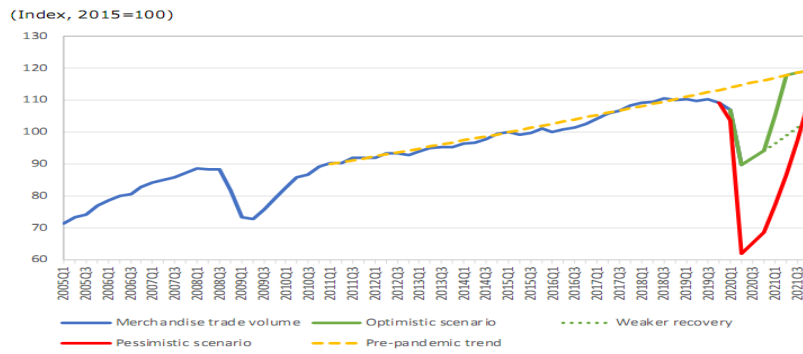
Index	Jan-20	Feb-20	Mar-20	Apr-20	May-20	Jun-20
Output	52.2	46.1	47.6	26.2	36.3	47.7
New Business	52.3	46.3	45.4	26.6	35.8	47.7
New Export Business	49.5	45.2	43.8	25.8	31.7	43.7
Future Output*	59.9	59.8	43.3	43.1	50.5	57.5
Employment	51.2	49.8	52.3	39.2	41.3	46.4
Outstanding Business	49.9	50.1	47.5	36.2	39.8	46.9
Input Prices	53.9	52.5	50.1	44.1	46.2	51.7
Output Prices	51.1	50.6	48.9	43.2	45.7	49.5

Nguồn: Markit Report

Giá trị giao dịch thương mại toàn cầu sụt giảm mạnh

Thương mại hàng hóa toàn cầu sụt giảm mạnh trong nửa đầu năm 2020. Theo số liệu thống kê mới nhất của WTO, tổng kim ngạch thương mại toàn cầu trong Quý I ước đạt 8,7 tỷ USD, giảm khoảng 3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 4,3 tỷ USD, giảm 3,2% và kim ngạch nhập khẩu ước đạt 4,4 tỷ USD, giảm 2,9%. Với những diễn biến phức tạp hơn của dịch bệnh và các biện pháp phong tỏa kinh tế tạo ra các tác động rõ rệt hơn, WTO ước tính kim ngạch thương mại toàn cầu quý II sẽ tiếp tục giảm mạnh hơn, với mức giảm ước lên đến 18,5% so với cùng kỳ.

Diễn biến thương mại toàn cầu 2005Q1 – 2021Q4

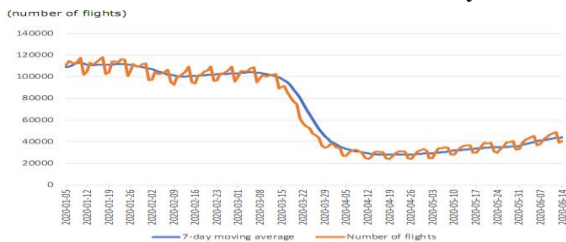


Số liệu 2020Q2 – 2021Q4 ước tính

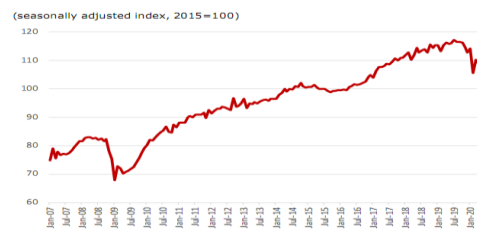
Nguồn: WTO Report (6/2020)

Diễn biến của các chỉ số phản ánh hoạt động thương mại như hoạt động giao thương qua đường hàng không, hoạt động giao nhận vận tải đường biển, số lượng đơn hàng xuất khẩu mới, doanh số bán hàng lâu bền,... đều cho thấy sự sụt giảm mạnh trong những tháng đầu năm 2020, trong đó mức giảm mạnh tập trung trong giai đoạn từ nửa cuối tháng 3 cho đến gần hết tháng 4. Trong những tháng gần đây, các chỉ số này đều đang cho thấy những tín hiệu phục hồi khi các nền kinh tế đang nới lỏng dần các biện pháp phong tỏa, tuy nhiên nhìn chung giá trị của các chỉ số vẫn ở mức thấp so với thời điểm cuối năm ngoái.

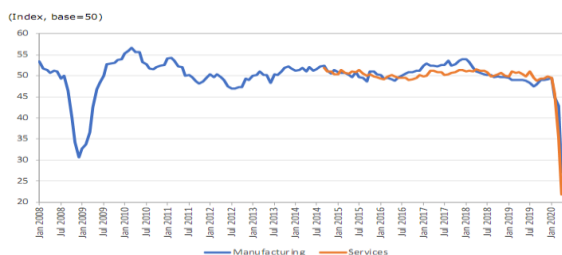
Thống kê số lượng các chuyến bay thương mại toàn cầu từ đầu năm 2020 đến nay



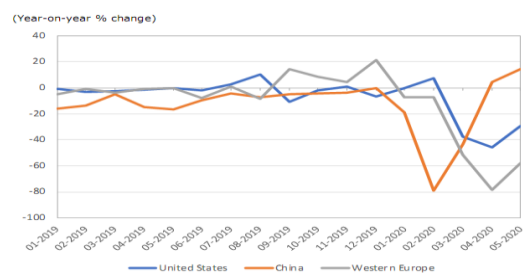
Sự thay đổi trong lượng giao dịch vận tải toàn cầu 01/2007 – 6/2020



Sự thay đổi trong số lượng đơn hàng xuất khẩu mới 01/2008 – 5/2020



Tốc độ tăng doanh số mua hàng lâu bền tại một số nền kinh tế 01/2019 – 5/2020

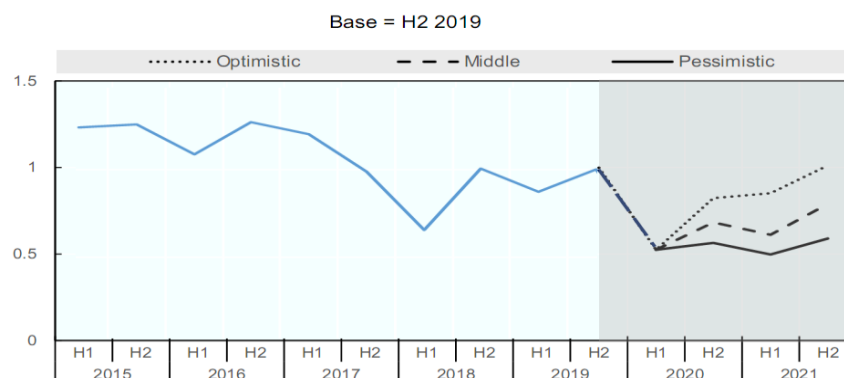


Nguồn: WTO Report (6/2020)

Dòng vốn FDI suy giảm mạnh

Theo báo cáo đánh giá diễn biến dòng vốn FDI toàn cầu của OECD, dự báo dòng vốn FDI sẽ suy giảm mạnh trong nửa đầu năm 2020, chỉ đạt hơn 500 tỷ USD và là mức thấp nhất trong vòng 5 năm qua. Trên thực tế, số liệu thống kê từ UNCTAD cũng cho thấy trong những tháng đầu năm 2020, các dự án thuộc hình thức đầu tư mới, hoạt động mua bán và sáp nhập (M&A) xuyên biên giới đã giảm hơn 50% so với cùng kỳ năm ngoái. Lượng vốn dành cho hoạt động tái đầu tư cũng đã giảm hơn 40% cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, các nền kinh tế đang phát triển chịu tác động sụt giảm lượng vốn FDI mạnh mẽ hơn.

Diễn biến dòng vốn FDI giai đoạn 2015 – 2019 và ước 2 năm 2020 - 2021



Nguồn: OECD Report (5/2020)

Chỉ số giá cả hàng hóa toàn cầu giảm so với cuối năm ngoái, giá dầu biến động mạnh

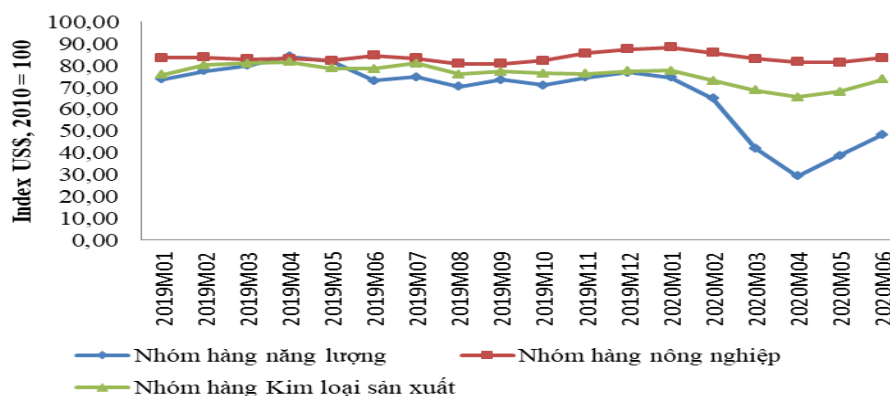
Theo số liệu thống kê về các thị trường hàng hóa của World Bank, giá cả nhiều mặt hàng trên toàn cầu đã có chuỗi giảm liên tục kéo dài kể từ tháng 1 đến tháng 4 và mới điều chỉnh tăng trở lại trong 2 tháng gần đây. Xu hướng giảm của các mặt hàng bắt đầu từ tháng 1, mức giảm tăng dần qua các tháng, trong đó tháng 4 ghi nhận mức giảm mạnh nhất đối với tất cả các nhóm mặt hàng. Mặc dù trong 2 tháng tiếp theo, giá cả hàng hóa đã tăng trở lại nhưng vẫn chưa bù đắp được mức giảm mạnh của 4 tháng đầu năm. Diễn biến của các nhóm hàng hóa cụ thể như sau:

- Chỉ số giá bình quân nhóm hàng nông sản điều chỉnh giảm trong 4 tháng đầu năm với tổng mức giảm khoảng 6,9% so với cuối năm ngoái. Tuy nhiên, nhờ sự phục hồi trong 2 tháng tiếp theo, chỉ số giá bình quân nhóm hàng nông sản kết thúc tháng 6 chỉ giảm 4,7% so với cuối năm ngoái.

- Chỉ số giá bình quân nhóm hàng kim loại sản xuất giảm mạnh trong 4 tháng đầu năm khi hoạt động sản xuất toàn cầu bị đình trệ dưới tác động của lệnh cách ly, đưa mặt bằng giá của nhóm hàng này qua 4 tháng đầu năm đã giảm khoảng 15,4% so với cuối năm ngoái. Trong đó, đáng chú ý là nhiều mặt hàng điều chỉnh giảm mạnh như đồng giảm 16,7%, thiếc giảm 12,6%, kẽm giảm 16,2%, niken giảm 14,64%... so với cuối năm trước. Với sự phục hồi của hoạt động sản xuất toàn cầu trong 2 tháng tiếp theo, giá cả nhóm hàng này cũng đã tăng trở lại, kết thúc tháng 6 đã giảm 4,9% so với cuối năm ngoái.

- Chỉ số giá bình quân nhóm hàng năng lượng cũng có xu hướng giảm mạnh trong 4 tháng đầu năm và phục hồi trở lại trong 2 tháng tiếp theo, trong đó những biến động của giá dầu đã chi phối xu hướng biến động của nhóm hàng này. Chỉ trong 4 tháng đầu năm, chỉ số giá bình quân nhóm hàng năng lượng đã giảm mạnh 61,8% so với cuối năm ngoái, trong đó mức giảm mạnh tập trung vào tháng 4 là 30,2%. Sự sụt giảm của nhóm hàng năng lượng trong giai đoạn này là do biến động giảm mạnh của giá dầu, không chỉ do sự chi phối từ những diễn biến của dịch Covid 19 mà còn do tình trạng dư cung và thiếu hụt các kho dự trữ nhiên liệu. Với sự phục hồi của giá dầu trong 2 tháng tiếp theo đã khiến nhóm hàng năng lượng tăng giá trở lại. Kết thúc 6 tháng đầu năm, giá nhóm hàng năng lượng giảm khoảng 37,1% so với cuối năm ngoái; trong đó giá dầu WTI bình quân tháng 6 ở mức 38,3 USD/thùng, giảm xấp xỉ 36% so với mức giá bình quân cuối năm ngoái; giá dầu Brent bình quân tháng 6 ở mức 39,93 USD/thùng, giảm 39,4% so với mức giá bình quân cuối năm ngoái.

Diễn biến chỉ số giá cả hàng hóa của một số nhóm hàng chủ chốt



Nguồn: www.worldbank.org/en/research/commodity-markets

Lạm phát trên toàn cầu ở mức thấp

Diễn biến lạm phát toàn cầu trong nửa đầu năm 2020 có xu hướng điều chỉnh giảm dần qua các tháng do chịu tác động từ diễn biến đi xuống của kinh tế toàn cầu khiến tổng cầu suy giảm và sự sụt giảm của giá cả hàng hóa trong 4 tháng đầu năm.

Theo số liệu thống kê của IMF, tỷ lệ lạm phát trung bình của nhóm các nền kinh tế phát triển tính đến hết tháng 4/2020 ở mức 0,4%, giảm mạnh so với mức 1,3% thời điểm cuối năm 2019. Lạm phát giảm được ghi nhận rõ nét tại các nền kinh tế phát triển chủ chốt như Mỹ, khu vực EU, Anh, Nhật Bản khi lạm phát tại các quốc gia này đều đã giảm sâu xuống sát mức 0%. Tại các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi, tỷ lệ lạm phát trung bình của nhóm nước này tại thời điểm cuối tháng 4/2020 là 1,2%, giảm mạnh so với mức 4,2% thời điểm cuối năm 2019.

Diễn biến của các nền kinh tế chủ chốt

Các nền kinh tế đầu tàu đối mặt với tình trạng suy giảm kinh tế trên diện rộng

Kinh tế Mỹ nửa đầu năm 2020 đang suy giảm mạnh nhất kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 do các biện pháp cách ly dịch bệnh đã làm đình trệ các hoạt động kinh tế. GDP trong quý I đã giảm 5% so với cùng kỳ, chấm dứt chuỗi tăng trưởng kéo dài lâu nhất của kinh tế Mỹ trong lịch sử, đồng thời là mức sụt giảm mạnh nhất kể từ quý cuối năm 2008. Với những diễn biến phức tạp hơn của dịch bệnh trong các tháng quý II, dự báo GDP của quý II sẽ tiếp tục sụt giảm ở mức sâu hơn trước khi có thể hồi phục trở lại vào quý III.

Chỉ số PMI tổng hợp chỉ duy trì được ở ngưỡng mở rộng trong tháng 1 và rơi vào tình trạng thu hẹp liên tục trong 5 tháng còn lại. Chỉ số PMI đã bắt đầu giảm xuống dưới mức 50 điểm vào tháng 2 khi Mỹ bắt đầu ghi nhận những ca nhiễm Covid 19 đầu tiên, chạm đáy ở mức 27 điểm vào tháng 4 và dần tăng trở lại trong 2 tháng gần đây. Kết thúc tháng 6, chỉ số PMI tổng hợp đang ở mức 46,8 điểm.

Diễn biến dịch bệnh cũng tác động mạnh đến hoạt động mua sắm tiêu dùng, khiến doanh số bán lẻ hàng hóa tại Mỹ sụt giảm liên tục so với cùng kỳ kể từ tháng 3, trong đó tháng 4 ghi nhận mức giảm kỷ lục 19,9% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, chỉ số niềm tin người tiêu dùng do Đại học Michigan Mỹ thống kê cũng giảm xuống mức thấp trong vòng 8 năm qua.

Thị trường lao động việc làm cũng chịu tác động mạnh của diễn biến dịch bệnh. Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp đã có sự gia tăng liên tục kể từ tháng 4,

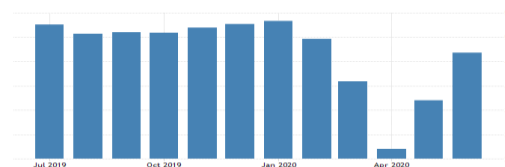
đưa tỷ lệ thất nghiệp tại Mỹ tăng vọt lên mức kỷ lục 14,7% vào tháng 4 và hiện vẫn ở mức cao là 11,1%. Bên cạnh đó, số lượng có việc làm được tạo thêm trong lĩnh vực phi nông nghiệp cũng đã bắt đầu giảm từ tháng 3, giảm mạnh ở mức 20,7 triệu việc làm trong tháng 4 và đang hồi phục nhẹ trở lại trong 2 tháng gần đây.

Trong bối cảnh tất cả các hoạt động kinh tế đều đình trệ và diễn biến giá cả nhiều nhóm hàng hóa, đặc biệt là giá năng lượng giảm mạnh trong một số tháng đầu năm, tỷ lệ lạm phát tại Mỹ ở mức thấp, kết thúc tháng 5 chỉ tăng nhẹ 0,1% so với cùng kỳ - mức lạm phát thấp nhất kể từ tháng 9/2015.

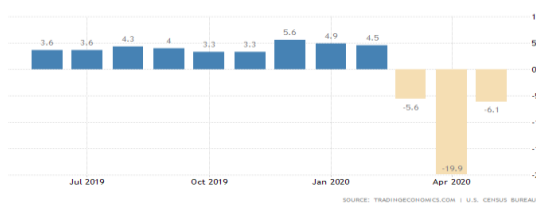
Tăng trưởng kinh tế so với cùng kỳ (% yoy)



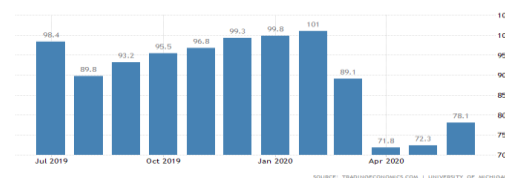
Chỉ số PMI tổng hợp



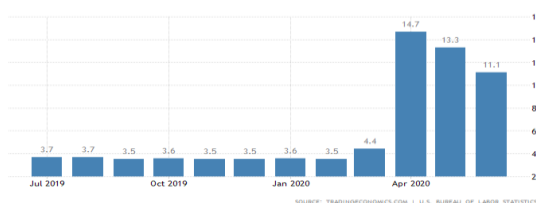
Doanh số bán lẻ hàng hóa (% yoy)



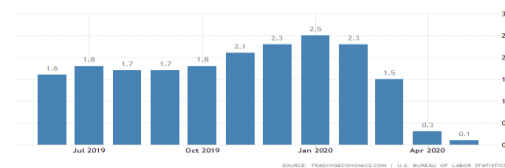
Chỉ số niềm tin người tiêu dùng



Tỷ lệ thất nghiệp (% yoy)



Tỷ lệ lạm phát (% yoy)



Nguồn: Trading economics

Kinh tế khu vực EU cũng chịu tác động mạnh của dịch bệnh, GDP trong quý I đã điều chỉnh giảm 3,1% so với cùng kỳ năm ngoái – lần suy giảm đầu tiên kể từ cuối năm 2012 và dự đoán sẽ tiếp tục giảm mạnh hơn trong quý II.

Chỉ số PMI tổng hợp duy trì được ở ngưỡng mở rộng trong 2 tháng đầu năm, sau đó bắt đầu rơi vào tình trạng thu hẹp, chạm đáy ở mức thấp nhất trong lịch sử là 13,6 điểm trong tháng 4, phục hồi trở lại trong 2 tháng gần đây nhưng vẫn chưa quay trở về được ngưỡng 50 điểm. Diễn biến này được ghi nhận ở cả 2 khu vực chế biến chế tạo và dịch vụ, trong đó khu vực dịch vụ chịu các tác động mạnh hơn¹.

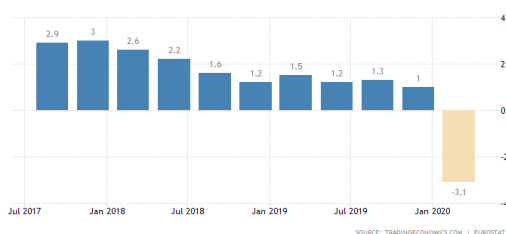
Tương tự như vậy, hoạt động tiêu dùng cũng bị đình trệ, thể hiện ở tăng trưởng doanh số bán lẻ đã có 3 tháng giảm liên tục so với cùng kỳ, trong đó tháng 4 ghi nhận mức giảm mạnh nhất 19,6%. Chỉ số niềm tin người tiêu dùng cũng đang ở mức thấp nhất kể từ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 trở lại đây.

Trên thị trường lao động, tỷ lệ thất nghiệp đã tăng trở lại kể từ tháng 4, hiện

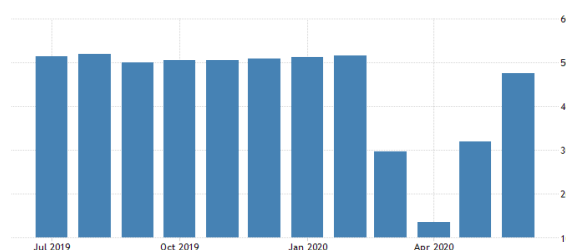
¹ Chỉ số PMI khu vực chế biến chế tạo khu vực EU bắt đầu điều chỉnh giảm từ tháng 3, chạm đáy ở mức 33,4 điểm trong tháng 4 và hiện đạt 47,4 điểm trong tháng 6; chỉ số PMI khu vực dịch vụ cũng điều chỉnh giảm từ tháng 3, chạm đáy ở mức 12 điểm trong tháng 4 và hiện đạt 47,3 điểm trong tháng 6.

đạt mức tăng 7,4% so với cùng kỳ. Tỷ lệ lạm phát đã giảm liên tục kể từ đầu năm, từ mức 1,4% so với cùng kỳ trong tháng 1 hiện đã giảm xuống chỉ còn đạt mức tăng 0,3% so với cùng kỳ.

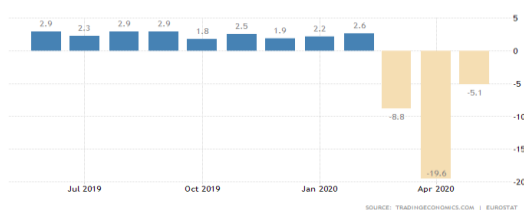
Tăng trưởng kinh tế so với cùng kỳ (% yoy)



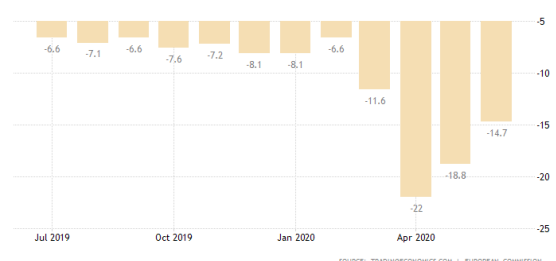
Chỉ số PMI tổng hợp



Doanh số bán lẻ hàng hóa (% yoy)



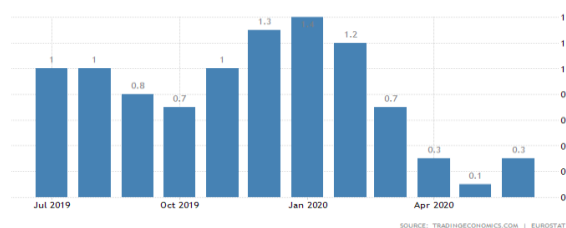
Chỉ số niềm tin người tiêu dùng



Tỷ lệ thất nghiệp (% yoy)



Tỷ lệ lạm phát (% yoy)



Nguồn: Trading Economics

Kinh tế Anh cũng đang có những diễn biến tương tự như các nền kinh tế đầu tàu khác. Theo đó, GDP trong quý I giảm 1,7% so với cùng kỳ - mức giảm mạnh nhất kể từ quý III/2009 và xu hướng giảm này được dự đoán sẽ còn tăng cao hơn trong quý II.

Chỉ số PMI tổng hợp duy trì ở trên ngưỡng mở rộng trong 2 tháng đầu năm, sụt giảm mạnh trong 2 tháng tiếp theo xuống mức đáy 12,9 điểm vào tháng 4. Sau đó, chỉ số PMI đã dần phục hồi và hiện đạt 47,6 điểm vào tháng 6. Cả 2 khu vực chế biến chế tạo và dịch vụ đều chịu các tác động mạnh từ dịch bệnh, tuy nhiên hiện nay khu vực chế biến chế tạo đã quay trở lại ngưỡng mở rộng trong khi khu vực dịch vụ vẫn trong tình trạng thu hẹp².

Khu vực tiêu dùng cũng diễn biến kém tích cực khi doanh số bán lẻ hàng hóa đã tăng rất chậm ngay từ tháng 1 và rơi vào tình trạng sụt giảm liên tục từ tháng 3, trong đó tháng 4 mức giảm mạnh nhất lên đến 22,7% so với cùng kỳ. Chỉ số niềm tin người tiêu dùng cũng giảm xuống mức thấp nhất trong vòng nhiều năm qua.

² Chỉ số PMI khu vực chế biến chế tạo của Anh chạm đáy 32,9 điểm trong tháng 4, sau đó dần hồi phục đạt 50,1 điểm trong tháng 6; chỉ số PMI khu vực dịch vụ chạm đáy 13,4 điểm trong tháng 4 và hiện đạt 47 điểm trong tháng 6.

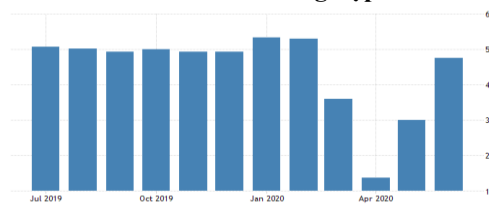
Trên thị trường lao động việc làm, tỷ lệ thất nghiệp vẫn duy trì ổn định ở mức 3,9% trong nhiều tháng qua mà không có sự gia tăng cao như một số nền kinh tế phát triển khác nhờ Chính phủ Anh đã ban hành kịp thời Chương trình duy trì việc làm để tài trợ tiền lương cho nhân viên trong thời gian nền kinh tế bị cách ly do dịch Covid 19.

Tỷ lệ lạm phát cũng giảm theo xu hướng chung của các nền kinh tế phát triển khác do áp lực lạm phát từ yếu tố cung và cầu đều thấp. Theo đó, tỷ lệ lạm phát tại Anh đã giảm liên tục trong nửa đầu năm, từ mức 1,8% thời điểm đầu năm xuống hiện đạt 0,5%.

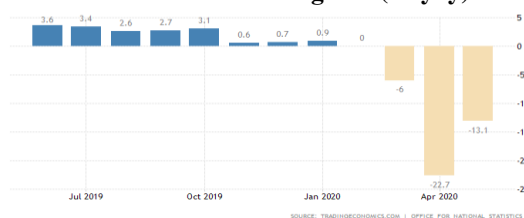
Tăng trưởng kinh tế so với cùng kỳ (% yoy)



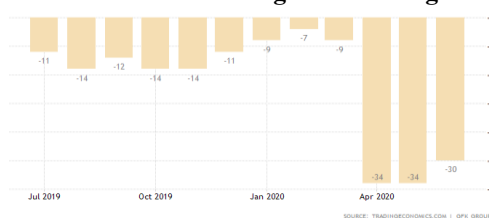
Chỉ số PMI tổng hợp



Doanh số bán lẻ hàng hóa (% yoy)



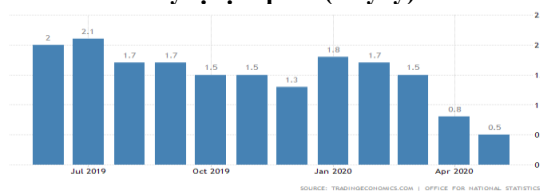
Chỉ số niềm tin người tiêu dùng



Tỷ lệ thất nghiệp (% yoy)



Tỷ lệ lạm phát (% yoy)



Nguồn: Trading Economics

Kinh tế Nhật Bản đã rơi vào tình trạng suy thoái kỹ thuật khi giảm -1,7% so với cùng kỳ trong quý I/2020 - quý tăng trưởng âm thứ 2 liên tiếp

Chỉ số PMI tổng hợp đã rơi vào tình trạng thu hẹp ngay từ đầu năm và tiếp tục sụt giảm sâu hơn trong các tháng sau đó do tác động của dịch bệnh. Theo đó, chỉ số PMI tổng hợp đã giảm liên tục trong giai đoạn tháng 2 – tháng 4, chạm đáy ở mức 27,8 điểm trong tháng 4. Sau đó, chỉ số này bắt đầu có sự phục hồi nhưng kết thúc tháng 6 chỉ đạt 37,9 điểm – cách xa so với ngưỡng phục hồi 50 điểm. Diễn biến này được ghi nhận trong cả 2 khu vực chế biến chế tạo và dịch vụ³.

Doanh số bán lẻ hàng hóa vốn đã giảm liên tục kể từ tháng 10 năm ngoái sau khi Nhật Bản tăng thuế tiêu dùng, dưới tác động của diễn biến dịch bệnh đã tiếp tục giảm sâu hơn trong những tháng đầu năm 2020, trong đó mức giảm mạnh nhất vào tháng 4 khi giảm 13,9% so với cùng kỳ.

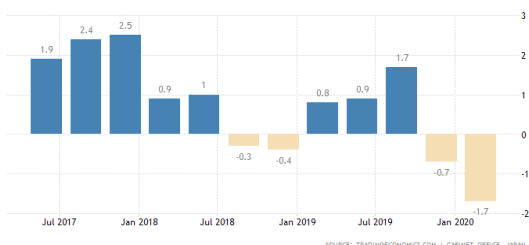
Xuất khẩu cũng là một lĩnh vực chịu tác động mạnh của dịch Covid 19 khi kim ngạch giảm liên tục so với cùng kỳ từ đầu năm đến nay, với mức giảm

³ Chỉ số PMI khu vực chế biến chế tạo của Nhật Bản đã giảm liên tục từ tháng 1, chạm đáy ở mức 37,8 điểm trong tháng 5 và bắt đầu hồi phục trở lại trong tháng 6, đạt 40,1 điểm. Chỉ số PMI khu vực dịch vụ cũng giảm liên tục từ tháng 1, chạm đáy 22,8 điểm trong tháng 4 và đang phục hồi trở lại, đạt 42,3 điểm trong tháng 6.

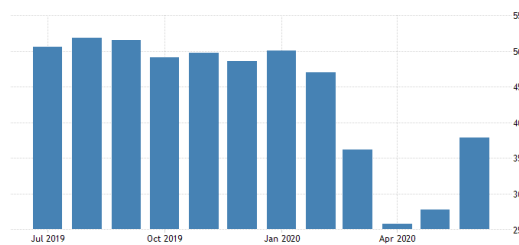
ngày càng tăng qua các tháng. Tính đến hết tháng 5, kim ngạch xuất khẩu tại Nhật đã giảm 18 tháng liên tiếp, mức giảm mạnh tập trung ở các mặt hàng chế biến chế tạo và tại các thị trường đang chịu tác động mạnh của dịch bệnh như Mỹ, Trung Quốc.

Trên thị trường lao động, tỷ lệ thất nghiệp tăng dần qua các tháng, đạt 2,9% trong tháng 5 và là mức thất nghiệp cao nhất kể từ tháng 5/2017. Lạm phát liên tục giảm từ đầu năm, hiện đạt mức tăng 0,1% so với cùng kỳ.

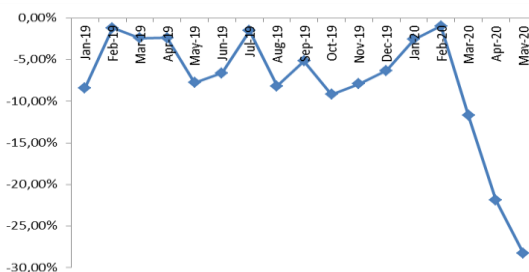
Tăng trưởng kinh tế so với cùng kỳ (% yoy)



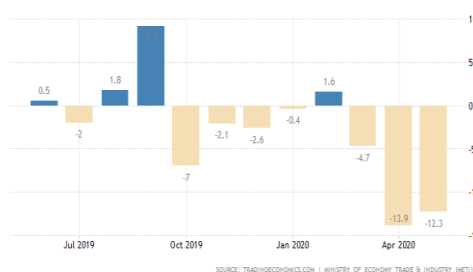
Chỉ số PMI tổng hợp



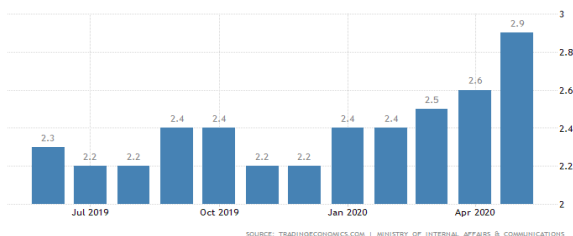
Tăng trưởng xuất khẩu (% yoy)



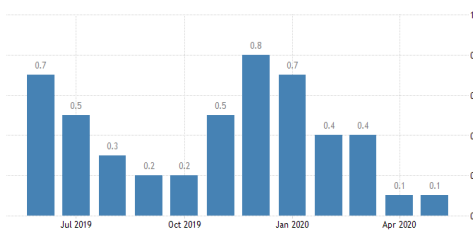
Doanh số bán lẻ hàng hóa (% yoy)



Tỷ lệ thất nghiệp (% yoy)



Tỷ lệ lạm phát (% yoy)



Nguồn: Trading Economics

Kinh tế Trung Quốc đã suy giảm sớm nhất trong số các nền kinh tế chủ chốt do là quốc gia đầu tiên chịu tác động của dịch bệnh. Tăng trưởng kinh tế quý I giảm 6,8% so với cùng kỳ và là quý suy giảm đầu tiên của Trung Quốc kể từ năm 1992 trở lại đây. Mặc dù vậy, nhờ các biện pháp kiểm soát dịch bệnh hiệu quả, quốc gia này đang khôi phục lại đà tăng trưởng sớm hơn các nền kinh tế chủ chốt khác.

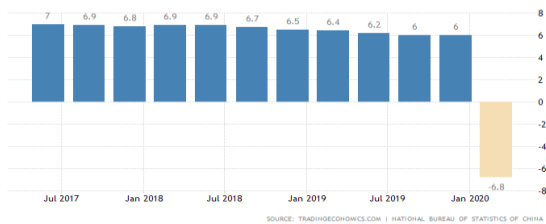
Chỉ số PMI Caixin tổng hợp của Trung Quốc đã suy giảm mạnh ngay từ đầu năm, chạm đáy vào tháng 2 khi dịch bệnh bùng phát đỉnh điểm tại Vũ Hán. Tuy nhiên, sau khi dịch bệnh bắt đầu được kiểm soát, chỉ số PMI tổng hợp đã nhanh chóng phục hồi từ tháng 3 và quay trở lại ngưỡng mở rộng mạnh mẽ 54,5 điểm trong tháng 6. Sự phục hồi ghi nhận rõ nét hơn trong khu vực chế biến chế tạo⁴.

⁴ Chỉ số PMI chế biến chế tạo của Trung Quốc chỉ giảm mạnh xuống gần mức 40 điểm trong tháng 2 nhưng đã nhanh chóng phục hồi trở lại ở mức trên 50 điểm trong các tháng sau; chỉ số PMI khu vực dịch vụ rơi vào ngưỡng thu hẹp từ tháng 2 – tháng 4 và mở rộng trở lại từ tháng 5

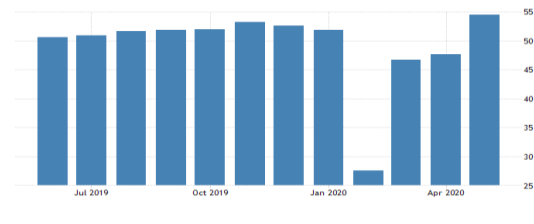
Tiêu dùng là lĩnh vực chịu ảnh hưởng mạnh của dịch bệnh khi doanh số bán lẻ hàng hóa đã giảm mạnh so với cùng kỳ ngay từ tháng 1 và xu hướng sụt giảm này vẫn duy trì cho đến thời điểm hiện tại. Kim ngạch xuất khẩu có nhiều biến động khi giảm mạnh trong 3 tháng đầu năm, phục hồi trở lại trong tháng 4 nhưng lại suy giảm trong những tháng gần đây do nhu cầu toàn cầu suy yếu.

Tỷ lệ thất nghiệp gia tăng mạnh kể từ tháng 2, hiện đạt mức tăng 5,9% so với cùng kỳ do các biện pháp cách ly và đình đốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh đã khiến nhiều doanh nghiệp phá sản hoặc phải giảm bớt người lao động. Áp lực lạm phát đã giảm so với cuối năm ngoái khi tốc độ tăng chỉ số giá so với cùng kỳ đã giảm từ mức 5,4% trong tháng 1 xuống hiện còn 2,4%.

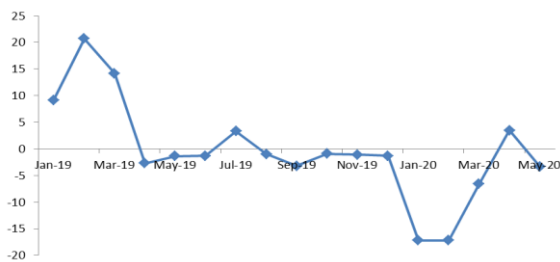
Tăng trưởng kinh tế so với cùng kỳ (% yoy)



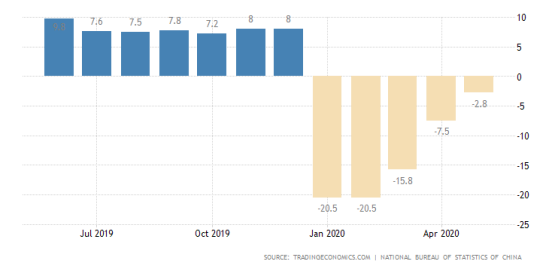
Chỉ số PMI tổng hợp



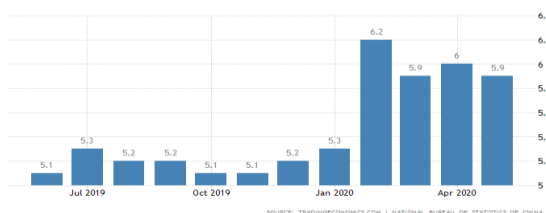
Tăng trưởng xuất khẩu (% yoy)



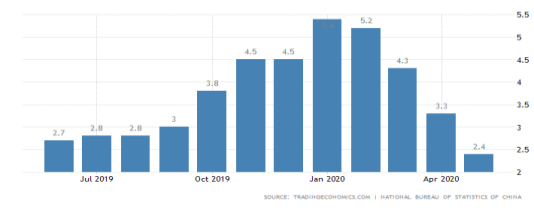
Doanh số bán lẻ hàng hóa (% yoy)



Tỷ lệ thất nghiệp (% yoy)



Tỷ lệ lạm phát (% yoy)



Nguồn: Trading Economics

2. Diễn biến thị trường ngoại hối, vàng, chứng khoán

Diễn biến thị trường ngoại hối

Chỉ số USD Index tăng liên tục trong 4 tháng đầu năm và giảm trong 2 tháng gần đây

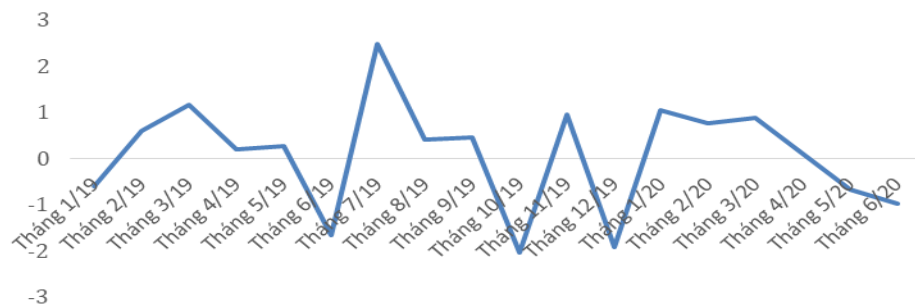
Trong đại dịch, mặc dù các hoạt động kinh tế đã suy giảm nhưng đồng USD tiếp tục tăng giá, kéo dài liên tục trong 4 tháng đầu năm, với tổng mức tăng của chỉ số USD index giao ngay và kỳ hạn đều lớn hơn 3%. Tuy nhiên, chỉ số USD index đã bắt đầu giảm trong tháng 5 và tháng 6 với tổng mức giảm là 2,18% đối với USD index giao ngay và giảm liên tục trong quý II đối với chỉ số USD index kỳ hạn với tổng mức giảm lớn hơn 1,7%.

Diễn biến tăng của đồng USD được hỗ trợ mạnh mẽ bởi các chính sách hỗ trợ nền kinh tế quyết liệt của nước Mỹ, nhu cầu đầu tư tài sản an toàn gia tăng và đặc biệt là sự thiếu hụt tạm thời về đồng USD trong lưu thông do nhu cầu nắm giữ tiền mặt gia tăng đột biến trong bối cảnh nước Mỹ và các nước lớn đang cân

nhắc đề thông qua các gói hỗ trợ kinh tế khổng lồ. Trong những thời điểm này, chỉ số USD index đã ghi nhận nhiều phiên giao dịch vượt ngưỡng 100 hoặc đã tăng hơn 8% chỉ trong gần 10 ngày giao dịch. Mặc dù vậy, xen kẽ diễn biến tăng vẫn xuất hiện các diễn biến giảm, xu hướng đó đã rõ nét hơn trong tháng 5 và tháng 6 trước những kết quả suy giảm của nền kinh tế, tỷ lệ thất nghiệp gia tăng mạnh, căng thẳng với Trung Quốc về các vấn đề liên quan đến Hồng Kông, Đài Loan và thương mại tiếp tục nóng trở lại và đáng chú ý là những tổn thất và bất ổn liên quan đến các cuộc biểu tình lan rộng khắp nước Mỹ, sự bùng phát trở lại của Covid – 19,...

Kết thúc 6 tháng đầu năm, chỉ số USD index giao ngay đã tăng 1,04%, giao dịch ở mức 97.39.

Diễn biến chỉ số usd index từ năm 2019 đến nay



Nguồn: investing.com

Nhiều đồng tiền chủ chốt đã giảm so với đồng USD, ngoại trừ đồng EUR và đồng JPY

Trước nhu cầu và sức mạnh của đồng bạc xanh, nhiều đồng tiền chủ chốt khác trong các giao dịch thương mại đã giảm, thậm chí nhiều đồng tiền còn giảm rất mạnh trong Quý I. Cụ thể, tại khu Châu Âu, đồng EUR và đồng GBP đã có diễn biến trái chiều sau 6 tháng. Theo đó, đồng EUR tăng nhẹ lớn hơn 0,18% và đồng GBP giảm lớn hơn 6% so với đồng USD. Cả 02 đồng tiền đều có diễn biến giảm diễn ra chủ yếu trong quý I và xuất hiện trong 01 tháng của quý II, trước những yếu tố bất lợi kéo dài như vấn đề liên quan đến Brexit, diễn biến kinh tế còn mờ nhạt,... các chính sách kinh tế chưa đáp ứng được kỳ vọng của thị trường trong đại dịch, đặc biệt khi Châu Âu đã trở thành chiến trường khốc liệt nhất trong cuộc chiến chống lại sự bùng nổ của dịch Covid – 19, trong đó, đáng chú ý là diễn biến tại Ý, Tây Ban Nha,... Tuy nhiên, thì mọi thứ đã dịu hơn trong quý II khi tình hình dịch bệnh đã được kiểm soát, quyết định về Quỹ phục hồi kinh tế trị giá 500 tỷ EUR để cung cấp các khoản tài trợ cho các khu vực và ngành bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch - gói kích thích kinh tế lớn nhất trong lịch sử và những diễn biến tích cực của các vòng đàm phán thương mại hậu Brexit. Diễn biến tăng của đồng EUR và đồng GBP đã xuất hiện trở lại, thậm chí đã ghi nhận những ngày giao dịch biến động $\pm 1\%$. Kết thúc tháng 6/2020, cặp tỷ giá EUR/USD giao dịch ở mức 1.1233; cặp tỷ giá GBP/USD giao dịch ở mức 1.2401.

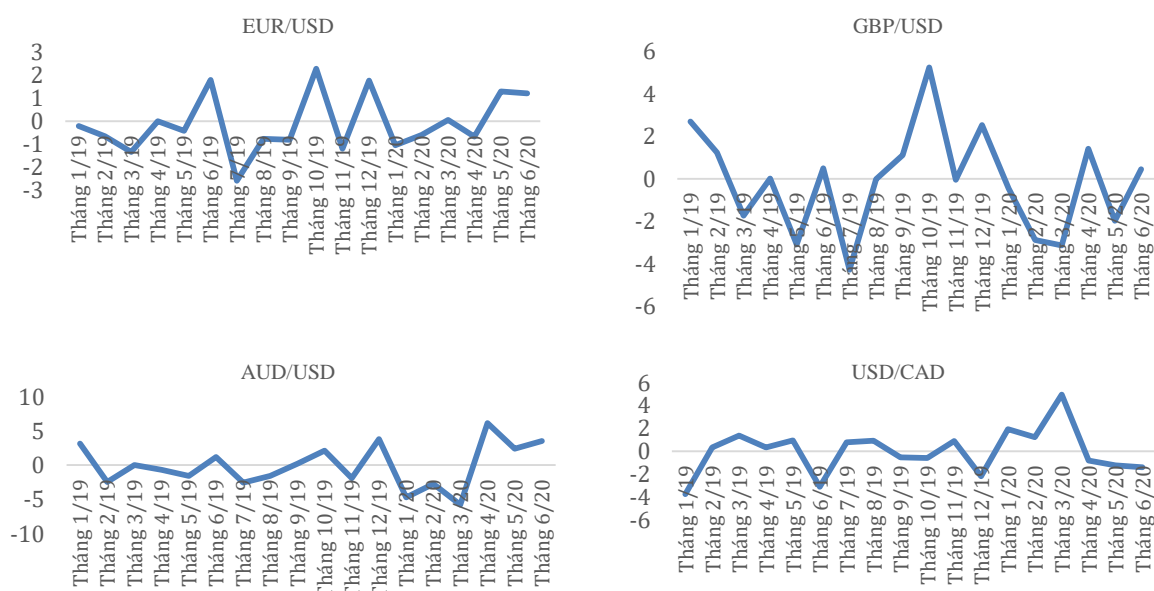
Bên cạnh đó, các đồng tiền mạnh khác như đồng AUD, đồng CAD đã trở thành một trong những đồng tiền biến động mạnh nhất, đặc biệt là mức giảm trong quý I, lần lượt lớn hơn 13% và hơn 8%. Mặc dù vậy, mức giảm này đã được thu hẹp nhờ diễn biến tăng trở lại của 02 đồng tiền này trong quý II khi giá dầu bật tăng và những tín hiệu hồi phục sau khi nền kinh tế được khởi động trở lại. Chính vì vậy, kết thúc 6 tháng đầu năm 2020, đồng AUD đã giảm hơn 1,6% và đồng CAD giảm 4,5% so với đồng USD, giao dịch lần lượt ở mức 0.6903 và 1.3576.

Trong khi đó, các đồng tiền mạnh khác tại khu vực Châu Á đã giảm đáng chú ý ngoại trừ đồng JPY. Trong đó, diễn biến giảm của đồng CNY được chú ý nhiều nhất với 03 tháng giảm, đồng CNY đã giảm lớn hơn 1% trong tháng 3 và tháng 5 là những tháng xuất hiện nhiều thông tin bất lợi nhất cho đồng CNY về dịch bệnh, căng thẳng leo thang với Mỹ và tình hình kinh tế giảm tốc mạnh. Kết thúc tháng 6, đồng CNY giảm lớn hơn 1,4% so với đồng USD, tỷ giá USD/CNY ở mức 7.0655.

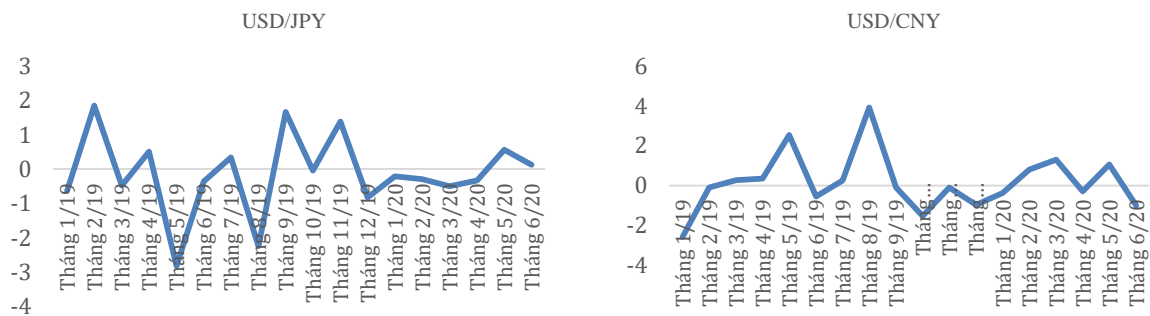
Tiếp đến các đồng tiền của các nền kinh tế lớn khác trong khu vực như đồng SGD, THB, MYR, INR, IDR cũng đã giảm trong khoảng 2 – 5% so với đồng USD trong 6 tháng đầu năm, trong đó tất cả các đồng tiền đều giảm mạnh trong quý I, mức giảm đã lên đến 5 – 13%. Cuối cùng, các đồng tiền từ các nền kinh sản xuất hàng hóa như Brazil, Colombia, Mexico, Nga và Nam Phi giảm lớn hơn 20% so với đồng USD trong quý đầu tiên đã tạo ra những cú sốc tiền tệ nhất định trên thị trường tài chính bản địa cũng như diễn biến dòng vốn, lợi tức và việc phát hành các chứng khoán nợ,... của các nền kinh tế này.

Trái ngược với diễn biến của các đồng tiền khác trong khu vực, đồng JPY trong nửa đầu năm 2020 vẫn tiếp tục có diễn biến thuận lợi, tăng 0,63% so với đồng USD. Đồng JPY có diễn biến tăng kéo dài từ đầu năm cho đến hết tháng 4 và bắt đầu giảm từ tháng 5. Xu hướng tăng của đồng JPY luôn được hỗ trợ bởi nhu cầu đầu tư tài sản an toàn trong bối cảnh bất ổn gia tăng và những nỗ lực của Chính phủ Nhật Bản trong việc ngăn chặn dịch bệnh. Mặc dù vậy, đồng JPY cũng đã có thời điểm giảm mạnh – lớn hơn 1%/ ngày giao dịch, diễn ra trong tháng 3 và tháng 4. Diễn biến giảm của đồng JPY bị tác động bởi việc cắt giảm lãi suất khẩn cấp của Fed, Ngân hàng Trung ương Nhật Bản công bố các gói giải pháp kích thích bổ sung⁵ và sự tăng giá mạnh của đồng USD trên thị trường hay khi nền kinh tế Nhật Bản chính thức rơi vào trạng thái suy thoái sau hơn 4 năm. Kết thúc tháng 6, cặp tỷ giá USD/JPY giao dịch ở mức 107.93.

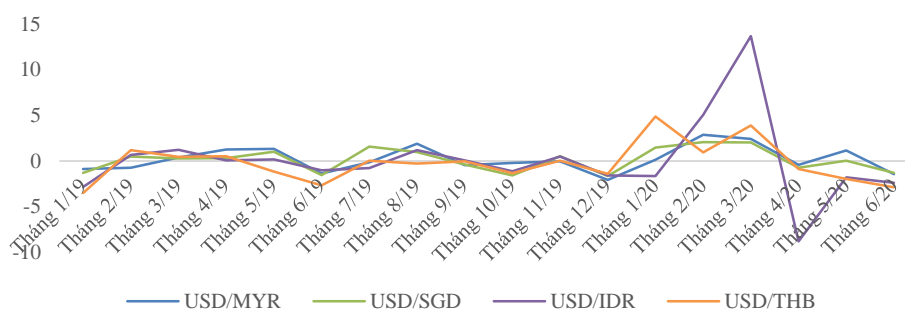
Diễn biến một số đồng tiền mạnh từ năm 2019 đến nay



⁵ BOJ sẽ mua lại 200 tỷ JPY (1,9 tỷ USD) trái phiếu chính phủ Nhật Bản. BOJ cũng cho biết sẽ bơm thêm khoảng 1,5 nghìn tỷ Yên thông qua cho vay kì hạn 2 tuần



Diễn biến một số đồng tiền trong khu vực Đông Nam Á từ năm 2019 đến nay



Nguồn: investing.com

Diễn biến thị trường vàng

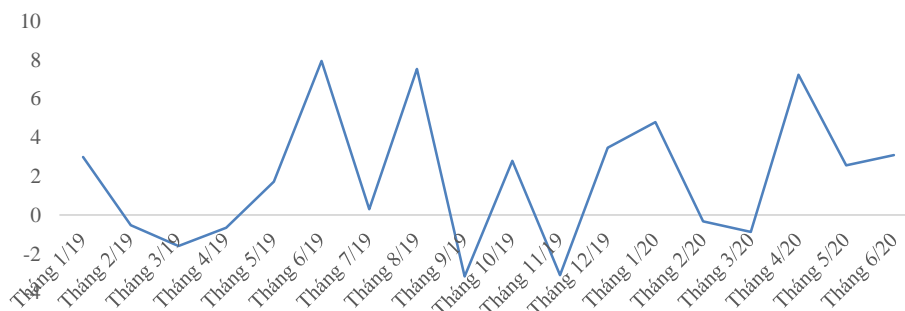
Vàng tiếp tục tăng giá mạnh

Ngoài ra, trên thị trường ngoại hối, vàng là một tài sản đầu tư có mức tăng giá ngoạn mục, theo đó, giá vàng giao ngay đã tăng hơn 17%; giá vàng kỳ hạn tăng hơn 18% - tăng gần gấp đôi so với mức tăng của cùng thời điểm năm ngoái. Giá vàng giao ngay đã có 04 tháng giá tăng, tăng liên tục trong quý II với tổng mức tăng lớn hơn 12%, ghi nhận mức tăng mạnh nhất vào tháng 4 lên đến hơn 7% và biến động mạnh lên đến $\pm 3\%$ - $\pm 5\%$ /ngày giao dịch vào tháng 3. Bên cạnh đó, giá vàng kỳ hạn đã tăng mạnh hơn giá vàng giao ngay và duy trì trong nhiều tháng. Thực tế này diễn ra khi giới đầu tư tăng cường mua vàng tương lai trên thị trường Mỹ trước quan ngại về việc ngừng hoạt động du lịch, hàng không và các nhà máy kim loại quý⁶ do sự bùng phát của dịch Covid-19 sẽ khiến việc vận chuyển vàng thỏi từ London đến Hoa Kỳ để đáp ứng các yêu cầu hợp đồng trở nên khó khăn hơn, chênh lệch giá vàng tương lai và giao ngay đã lên đến 70 USD/ounce. Kết thúc tháng 6, giá vàng giao ngay và kỳ hạn lần lượt là 1.781,67 USD/ounce và 1.800,5 USD/ounce.

Lực đẩy chính của giá vàng trong giai đoạn này chính là nhu cầu đầu tư gia tăng mạnh trong bối cảnh bất ổn bao trùm trên toàn cầu. Theo Báo cáo của Hội đồng vàng thế giới - WGC, nhu cầu vàng toàn cầu trong quý I/2020 tăng 1% so với cùng kỳ năm ngoái, lên 1.083,8 tấn do lực mua tăng từ các quỹ đầu tư (ETF) nhằm tìm kiếm tài sản trú ẩn an toàn trong đại dịch. Các ETF mua vàng tăng 298 tấn trong 3 tháng đầu năm, đẩy tỷ lệ nắm giữ toàn cầu lên mức cao kỷ lục là 3.185 tấn.

⁶ Ba mỏ khai thác vàng lớn nhất thế giới bao gồm Valcambi, Argor-Heraeus và PAMP đã tạm ngưng sản xuất tại Thụy Sĩ trong vòng ít nhất 1 tuần bởi yêu cầu bắt buộc từ phía nhà chức trách nhằm ngăn sự lây lan của virus cúm corona tại Thụy Sĩ

Diễn biến giá vàng thế giới từ năm 2019 đến nay

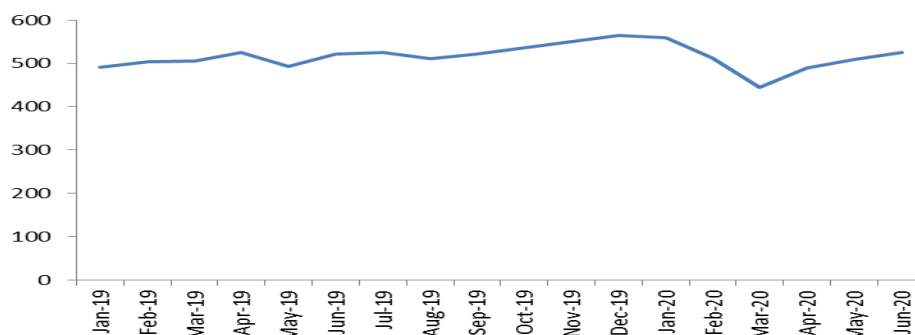


Nguồn: investing.com

Diễn biến thị trường chứng khoán

TTCK toàn cầu biến động mạnh Thị trường chứng khoán toàn cầu nửa đầu năm 2020 đối mặt với những đợt biến động mạnh nhất kể từ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 đến nay. Thị trường giảm điểm liên tục trong 3 tháng của quý I với tổng mức giảm lên đến 21,15% so với cuối năm ngoái, trong đó mức giảm mạnh rơi vào tháng 3 khi sự bùng phát dịch bệnh đã tạo ra tâm lý lo ngại cho các nhà đầu tư, kéo theo các làn sóng bán tháo mạnh. Bước sang quý II, tâm lý nhà đầu tư đã trở nên ổn định, tình hình dịch bệnh bắt đầu được kiểm soát khiến các quốc gia bắt đầu nới lỏng dần các quy định giãn cách xã hội, cộng với việc các nền kinh tế phát triển liên tục tung ra các gói hỗ trợ tạo ra lượng thanh khoản dồi dào, thị trường đã tăng điểm liên tục trở lại trong 3 tháng tiếp theo với tổng mức tăng của quý II là 17,95% so với cuối quý I. Như vậy, kết thúc tháng 6, chỉ số MSCI ACWI ở mức 524,91 điểm, giảm 6,99% so với cuối năm ngoái.

Diễn biến chỉ số MSCI ACWI



Nguồn: msci.com

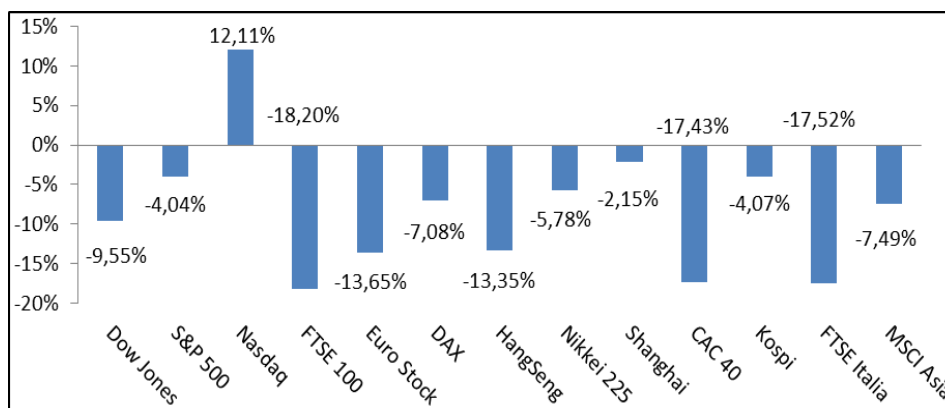
Thị trường chứng khoán Mỹ cũng đi theo xu thế diễn biến chung của chứng khoán toàn cầu. Các chỉ số chủ chốt trên thị trường giảm mạnh trong quý I với mức giảm tập trung vào tháng 3, trong đó đáng chú ý là chỉ trong một tuần từ 9/3 đến 16/3, TTCK Mỹ đã trải qua đợt giảm mạnh nhất kể từ năm 1987 và đã 3 lần phải kích hoạt cơ chế tạm dừng giao dịch do mức giảm trên 7%. Bước sang quý II, các chỉ số đã nhanh chóng tăng điểm mạnh trở lại trong tháng 4 và duy trì đà tăng trong 2 tháng còn lại. Một điểm đáng chú ý trên thị trường chứng khoán Mỹ đó là chốt phiên giao dịch cuối cùng của tháng 6, các chỉ số chính có diễn biến trái ngược, trong khi 2 chỉ số Dow Jones và S&P 500 giảm lần lượt 9,55% và 4,04% so với cuối năm ngoái thì chỉ số Nasdaq lại đạt được mức tăng mạnh 12,11% so với cuối năm ngoái. Điều đó phản ánh các nhóm cổ phiếu như hàng không, vận tải, năng lượng, bán lẻ, tài chính thuộc 2 chỉ số Dow Jones và S&P 500 là những đối tượng chịu thiệt hại nặng nề nhất từ dịch bệnh, trong khi đó các

cổ phiếu nhóm ngành công nghệ thuộc chỉ số Nasdaq mặc dù cũng chịu tác động suy giảm trong quý I nhưng ở mức độ thấp hơn và nhanh chóng lấy lại đà tăng trưởng tốt hơn trong quý II.

Tại khu vực Châu Âu, các chỉ số chủ chốt cũng có chung diễn biến. Các chỉ số chứng khoán chủ chốt trong khu vực đều ghi nhận mức giảm mạnh xấp xỉ 30% trong Quý I và dần hồi phục trong Quý II, tuy nhiên, mức hồi phục còn thấp khiến các chỉ số đều giảm mạnh so với cuối năm ngoái. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng 6, so với cuối năm ngoái chỉ số Euro Stock toàn khu vực giảm 13,65%, chỉ số FTSE 100 của Anh giảm 18,20%, chỉ số CAC 40 của Pháp giảm 17,43%, chỉ số FTSE Italia giảm 17,52% và chỉ số DAX của Đức có mức giảm thấp nhất với 7,08%,...

Tại khu vực Châu Á, khép lại nửa đầu năm 2020 nhiều biến động, chỉ số MSCI khu vực Châu Á – Thái Bình Dương giảm 7,49% so với cuối năm ngoái, trong đó quý I giảm 19,82% so với cuối năm ngoái và quý II đã hồi phục trở lại 15,38% so với cuối quý I. Các chỉ số chủ chốt trong khu vực đều giảm điểm, trong đó mức giảm mạnh được ghi nhận tại thị trường Đông Nam Á: chỉ số Nikkei 225 của Nhật giảm 5,78%, KOSPI của Hàn Quốc giảm 4,07%, Shanghai của Trung Quốc giảm 2,15%, HangSeng của Hồng Kông giảm mạnh 13,35%, BSE India của Ấn Độ giảm 14,92%, chỉ số FTSE Singapore giảm 18,91%, SET 50 Thailand giảm 17,16%, Jakarta Com của Indonesia giảm đến 22,13%,...

Diễn biến tăng trưởng các chỉ số chứng khoán chủ chốt tại các thị trường chính qua 6 tháng



Nguồn: Bloomberg

3. Điều hành chính sách của các NHTW

Các NHTW liên tục nới lỏng CSTT và tung thêm các gói hỗ trợ cho nền kinh tế

Theo thông kê của tổ chức Central Bank News, trong 6 tháng đầu năm 2020 đã có 92 NHTW tiến hành cắt giảm lãi suất với tổng số lượt cắt giảm là 204 lần. Tàn suất cắt giảm diễn ra liên tục bắt đầu từ tháng 3 khi các tác động của dịch bệnh đối với kinh tế toàn cầu trở nên rõ nét hơn. Với xu hướng cắt giảm lãi suất liên tục của NHTW các nước, chỉ số lãi suất toàn cầu (GMPR) do Central Bank News thống kê đã giảm từ mức 5,69% cuối năm 2019 xuống còn đạt 4,2% vào thời điểm cuối tháng 6/2020. Bên cạnh việc cắt giảm lãi suất, nhiều NHTW còn thực hiện các biện pháp cắt giảm dự trữ bắt buộc và liên tục bơm thêm tiền vào nền kinh tế.

- **Tại các nền kinh tế phát triển:** Qua 6 tháng đã có 9 NHTW tiến hành cắt giảm lãi suất 16 lần, bao gồm: NHTW Australia (2 lần), Cục dự trữ liên bang Mỹ (2 lần), Ủy ban tiền tệ Hong Kong (2 lần), NHTW Canada (3 lần), NHTW Anh (2 lần), NHTW Thụy Điển (3 lần), NHTW New Zealand và NHTW Israel (1 lần). Đáng chú ý, bên cạnh việc cắt giảm lãi suất, một số NHTW còn liên tục

bơm thêm tiền vào nền kinh tế thông qua các biện pháp nới lỏng định lượng. Đáng chú ý là diễn biến tại một số NHTW sau:

+ Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) đã liên tục cắt giảm lãi suất 2 lần trong tháng 3 để phản ứng kịp thời với sự suy giảm của thị trường khi dịch bệnh bắt đầu bùng phát tại Mỹ. Lần cắt giảm lãi suất đầu tiên diễn ra trong cuộc họp CSTT khẩn cấp vào ngày 3/3 với lãi suất dự trữ liên bang đã được điều chỉnh 50 điểm cơ bản xuống còn 1 – 1,25%. Tiếp đó, ngày 15/3, Fed tiếp tục cắt giảm lãi suất dự trữ liên bang 100 điểm cơ bản xuống còn 0 – 0,25%. Bên cạnh đó, để hỗ trợ thanh khoản thị trường và bơm thêm tiền cho nền kinh tế, Fed đã liên tục thực hiện các nghiệp vụ mua vào các loại giấy tờ có giá trên thị trường mở, thực hiện các gói hỗ trợ trực tiếp đến các đối tượng chịu ảnh hưởng của dịch Covid, khiến bảng cân đối tài sản của Fed đã tăng mạnh từ mức 4,2 nghìn tỷ USD vào thời điểm cuối năm ngoái lên đạt khoảng 7 nghìn tỷ USD vào thời điểm cuối tháng 6/2020.

+ NHTW châu Âu (ECB) đã liên tục mở rộng thêm chương trình thu mua tài sản kể từ tháng 3. Cụ thể, ngày 12/3, ECB đã mở rộng quy mô chương trình thu mua tài sản hàng tháng (TLTRO – III) từ mức 30 tỷ EUR lên mức 120 tỷ EUR, dự kiến kéo dài đến hết tháng 7/2021. Ngày 18/3, ECB bổ sung một gói nới lỏng định lượng mới trị giá 750 tỷ EUR (PEPP) và ngày 4/6 tiếp tục tăng thêm quy mô gói này lên mức 1,35 tỷ USD để hỗ trợ mua lại các tài sản của các đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ dịch Covid cho đến hết tháng 6/2021.

Bên cạnh biện pháp nới lỏng định lượng, vào ngày 30/4, ECB đã quyết định giảm 50 điểm cơ bản đối với lãi suất các khoản vay TLTRO III, xuống mức thấp hơn lãi suất tái cấp vốn trong khoảng thời gian từ tháng 6/2020 đến tháng 6/2021. Ngoài ra, vào ngày 21/6, ECB đã thiết lập hệ thống hỗ trợ các giao dịch repo bằng đồng Euro của các NHTW không nằm trong khu vực nhằm sẵn sàng giải quyết các nhu cầu thanh khoản đồng euro.

+ NHTW Nhật Bản (BOJ) đã chuyển sang mua không giới hạn trái phiếu chính phủ thay vì giới hạn lượng mua vào ở mức 80.000 tỷ Yên Nhật (745 tỷ USD) hàng năm. Bên cạnh đó, BOJ cũng cho biết sẽ tăng quy mô mua trái phiếu doanh nghiệp lên gấp đôi nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp nước này vượt qua các khó khăn do dịch bệnh gây ra.

- **Tại các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi:** Qua 6 tháng đã có 83 NHTW cắt giảm lãi suất chính sách với tổng số lượt cắt giảm là 188 lần.

+ Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) đã có 2 lần cắt giảm lãi suất trong 6 tháng qua. Ngày 20/2, PBOC đã cắt giảm lãi suất cho vay trung hạn kỳ hạn 1 năm từ 4,15% xuống còn 4,05% và kỳ hạn 5 năm từ 4,8% xuống 4,75%. Tiếp đó, đến ngày 20/4, PBOC tiếp tục cắt giảm lãi suất cho vay kỳ hạn 1 năm xuống còn 3,85% và kỳ hạn 5 năm xuống còn 4,65%. Bên cạnh đó, PBOC cũng đã 2 lần cắt giảm dự trữ bắt buộc đối với các TCTD lớn, đưa tỷ lệ dự trữ bắt buộc về mức 11%. Trong 2 quý, PBOC cũng liên tục bơm thêm tiền vào nền kinh tế thông qua các nghiệp vụ mua bán trên thị trường mở.

+ Nhiều NHTW tại các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi lớn tại các khu vực đã cắt giảm lãi suất nhiều lần: Tại khu vực Mỹ La Tinh NHTW Argentina đã cắt giảm lãi suất 6 lần, NHTW Brazil 4 lần, NHTW Mexico 4 lần; tại khu vực châu Á: NHTW Malaysia cắt giảm lãi suất 4 lần, NHTW Thái Lan, Phillippines, Indonesia cắt giảm lãi suất 3 lần, NHTW Hàn Quốc cắt giảm lãi suất 2 lần; NHTW Ấn Độ cắt giảm lãi suất 2 lần;...

TRIỂN VỌNG KINH TẾ TOÀN CẦU 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020

Kinh tế toàn cầu dự báo suy giảm mạnh, nhiều rủi ro tiếp tục đe dọa đến triển vọng phục hồi trong ngắn hạn

Với những diễn biến kém tích cực của kinh tế toàn cầu trong 6 tháng qua, cùng với những nhận định chưa chắc chắn về tình hình diễn biến dịch bệnh, nhiều tổ chức quốc tế đều đồng thuận trong việc đưa nhận định về triển vọng suy giảm của kinh tế toàn cầu trong năm 2020 với mức giảm được dự đoán trong khoảng từ 5 – 6%. Trong đó, các nền kinh tế phát triển sẽ suy giảm mạnh hơn với mức giảm trong khoảng 7 – 8%, các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi suy giảm trong khoảng 3 – 4%. Tại các nền kinh tế chủ chốt, kinh tế Mỹ được dự báo sẽ giảm khoảng 6%. Kinh tế khu vực đồng Euro dự kiến sẽ giảm mạnh hơn, ở mức khoảng 9% trong năm 2020 do dịch bệnh lan rộng đã gây thiệt hại nặng nề cho hoạt động kinh tế của các quốc gia trong toàn khu vực. Nền kinh tế Nhật Bản được dự đoán sẽ giảm khoảng 6%. Kinh tế Trung Quốc với tình hình phục hồi khả quan sau dịch bệnh có thể lấy lại đà tăng trưởng nhưng mức tăng có thể chỉ khoảng 1%, mức tăng trưởng thấp nhất kể từ khi quốc gia này thực hiện các cải cách mở cửa kinh tế đến nay.

Cùng với sự suy giảm tăng trưởng kinh tế nói chung, toàn bộ các hoạt động thương mại, sản xuất, đầu tư trên toàn cầu cũng đối mặt với tình trạng sụt giảm. Theo dự báo của WTO, tổng kim ngạch giao dịch thương mại toàn cầu trong năm 2020 có thể sụt giảm 13%, trong đó nhóm các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi sẽ chịu tác động mạnh mẽ hơn do tăng trưởng kinh tế tại phần lớn các quốc gia này có sự gắn kết chặt chẽ với hoạt động thương mại và các chuỗi cung ứng toàn cầu. Hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài theo dự báo của UNCTAD cũng sẽ chứng kiến sự suy giảm mạnh nhất kể từ sau khủng hoảng tài chính 2008 đến nay với mức giảm khoảng 30%, trong đó các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi cũng đối mặt với nguy cơ sụt giảm lượng vốn đầu tư nhiều hơn.

Bên cạnh đó, kinh tế toàn cầu có thể diễn biến kém tích cực hơn khi phải đối mặt với những vấn đề sau:

- Diễn biến của dịch Covid 19 hiện nay vẫn còn đang phức tạp tại nhiều quốc gia trên toàn thế giới, trong khi thế giới vẫn chưa tìm ra được vaccine phòng bệnh thì khả năng lan sóng lây lan thứ hai của dịch bệnh sẽ tiếp tục bùng nổ và có thể khiến kinh tế toàn cầu rơi vào tình trạng bị phong tỏa trở lại, toàn bộ các hoạt động kinh tế lại rơi vào tình trạng tê liệt và khiến nguy cơ suy thoái sẽ lan rộng hơn trên toàn thế giới.

- Sự ổn định của các thị trường tài chính đang bị đe dọa và đã được minh chứng trong thực tế diễn ra trong nửa đầu năm 2020. Trong bối cảnh tình hình kinh tế chính trị thế giới còn nhiều diễn biến phức tạp, các thị trường tài chính tiền tệ có thể sẽ còn tiếp tục biến động, từ đó làm giảm sút niềm tin của giới đầu tư, đồng thời cũng làm chậm lại triển vọng phục hồi của kinh tế toàn cầu. Ngoài ra, tình trạng suy thoái trên diện rộng buộc các quốc gia phải liên tục thực hiện các gói nới lỏng định lượng, bơm thêm tiền vào nền kinh tế trong khi nguồn thu ngân sách tại nhiều nước còn hạn chế sẽ tạo ra gánh nặng đối với cán cân ngân sách và khiến tình trạng thâm hụt ngân sách, nợ công tiếp tục gia tăng, đặc biệt tại các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi.

- Căng thẳng thương mại gia tăng trở lại càng khiến hoạt động thương mại toàn cầu trở nên tê liệt: Hiện nay, mặc dù Mỹ và Trung Quốc đã ký kết thỏa thuận thương mại giai đoạn 1. Tuy nhiên, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung nhiều khả năng sẽ leo thang trở lại, nếu Trung Quốc tỏ ra không sẵn sàng hoặc không

thể thực hiện các cam kết nhập khẩu theo thỏa thuận thương mại giai đoạn một đã được ký kết hồi tháng 1. Không những thế, trong những tháng gần đây, lại phát sinh thêm những tranh chấp thương mại mới như giữa Mỹ và khu vực EU, giữa Nhật Bản và Hàn Quốc,... Tình trạng này càng khiến bức tranh thương mại toàn cầu trở nên u ám, khiến dòng chảy thương mại khó có thể khơi thông trở lại, để làm động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế toàn cầu như những giai đoạn hậu khủng hoảng trước đây.

- Tình trạng bất ổn chính trị, căng thẳng xung đột gia tăng giữa các cường quốc hàng đầu như giữa Mỹ và Trung Quốc, Mỹ và Iran, giữa Trung Quốc và Ấn Độ,... sẽ ảnh hưởng đến mối quan hệ hợp tác thương mại, đầu tư giữa các quốc gia trên toàn thế giới, đồng thời cũng tiềm ẩn những rủi ro biến động trên các thị trường tài chính tiền tệ toàn cầu.

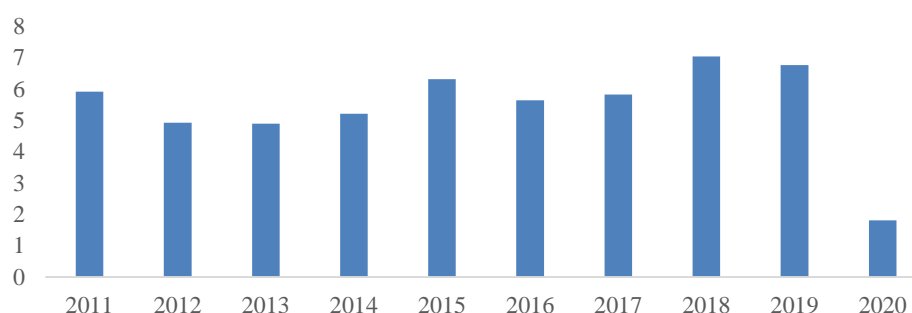
KINH TẾ TRONG NƯỚC

1. Tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm vẫn đạt mức tăng trưởng dương trước ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid – 19

Sau 6 tháng của năm 2020, nền kinh tế đã có mức tăng trưởng ước đạt 1,81%, là mức tăng nửa năm thấp nhất trong giai đoạn 10 năm.

Tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm giai đoạn 2011 – 2020 (%)



Nguồn: TCTK

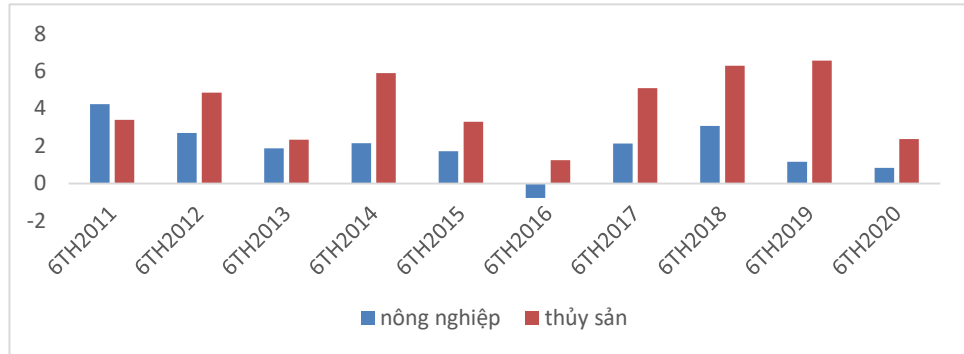
Mặc dù vậy, khi so sánh với bối cảnh suy giảm của các quốc gia trên thế giới thì đây vẫn là một kết quả đáng khích lệ. Trên cơ sở đó, nền kinh tế vẫn có được tốc độ tăng trưởng khá cao ở mức 3,82% trong quý I/2020 và chỉ tăng nhẹ ở mức 0,36% trong quý II/2020 so với cùng kỳ năm ngoái khi những tác động của dịch bệnh đã trở nên rõ nét hơn. Ảnh hưởng nặng nề đã xuất hiện trên cả 03 khu vực của nền kinh tế, trong đó sự suy giảm đã xuất hiện trong lĩnh vực du lịch. Cụ thể, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,72%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 1,38%; khu vực dịch vụ giảm 1,76% (trong khi đó, tốc độ tăng trưởng lần lượt trong quý I là 0,08%; 5,15%; tăng 3,27%).

Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế trong 6 tháng đầu năm 2020, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,19%, đóng góp 11,89% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 2,98%, đóng góp 73,14%; khu vực dịch vụ tăng 0,57%, đóng góp 14,97%, cụ thể như sau:

+ Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chịu ảnh hưởng của dịch bệnh, tác động tiêu cực của vấn đề biến đổi khí hậu và dịch tả lợn Châu Phi nhưng đã cải thiện đáng kể từ quý I sang quý II. Mặc dù vậy, trong bối cảnh chung, các nhóm ngành phần lớn ước đạt mức tăng trưởng thấp trong giai đoạn 2011 – 2020, cụ thể, ngành nông nghiệp mặc dù chiếm tỷ trọng cao nhất nhưng chỉ tăng 0,83%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng

thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 2,15% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,01 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 2,37%, đóng góp 0,08 điểm phần trăm.

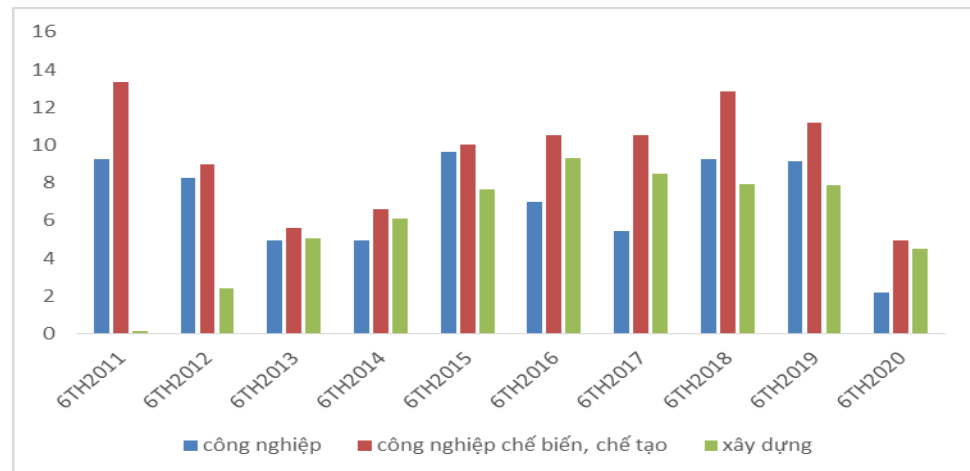
Tăng trưởng của ngành nông nghiệp và thủy sản từ 2011 đến nay



Nguồn: TCTK

+ Khu vực công nghiệp và xây dựng: trong 6 tháng đầu năm 2020, ngành xây dựng tăng 4,5% so với cùng kỳ (quý I tăng 4,37%, quý II tăng 4,59%), đóng góp 0,28 điểm phần trăm. Ngành công nghiệp 6 tháng đầu năm 2020 tăng 2,71% so với cùng kỳ năm trước (quý I tăng 5,1%; quý II tăng 0,74%) – mức tăng thấp trong 10 năm trở lại đây, đóng góp 0,93 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,96% (quý I tăng 7,12%; quý II tăng 3,20%), đóng góp 1,1 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 3,04%, đóng góp 0,15 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,76%, đóng góp 0,03 điểm phần trăm; Ngành khai khoáng giảm 5,4%, làm giảm 0,35 điểm phần trăm mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế do sản lượng dầu thô khai thác giảm 13,9% và khí đốt tự nhiên giảm 9,1%.

Tăng trưởng của ngành công nghiệp; xây dựng; công nghiệp chế biến, chế tạo



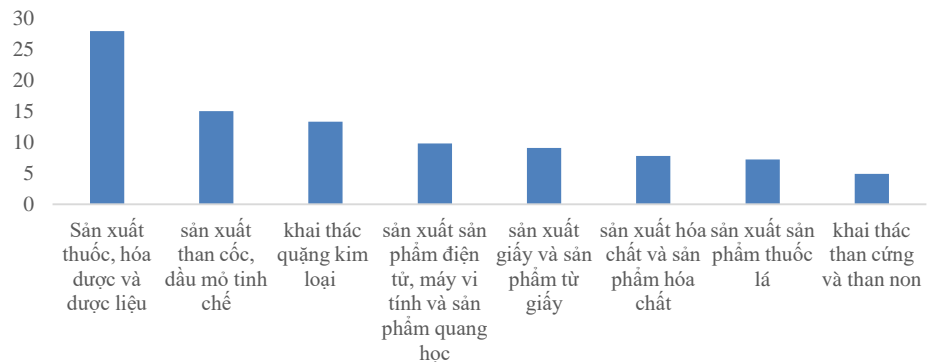
Nguồn: TCTK

Trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, chỉ số sản xuất sản phẩm trung gian (phục vụ cho quá trình sản xuất tiếp theo) 6 tháng đầu năm tăng 3,02% so với cùng kỳ năm trước; sản phẩm phục vụ cho sử dụng cuối cùng giảm 0,71% (sản phẩm là tư liệu sản xuất giảm 0,79% và sản phẩm phục vụ cho tiêu dùng của dân cư tăng 3,27%).

Tính chung 6 tháng đầu năm, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,3% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2019 tăng 9,6%).

Trong khi đó, chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 30/6/2020 tăng 26,7% so với cùng thời điểm năm trước (cùng thời điểm năm 2019 tăng 16,1%).

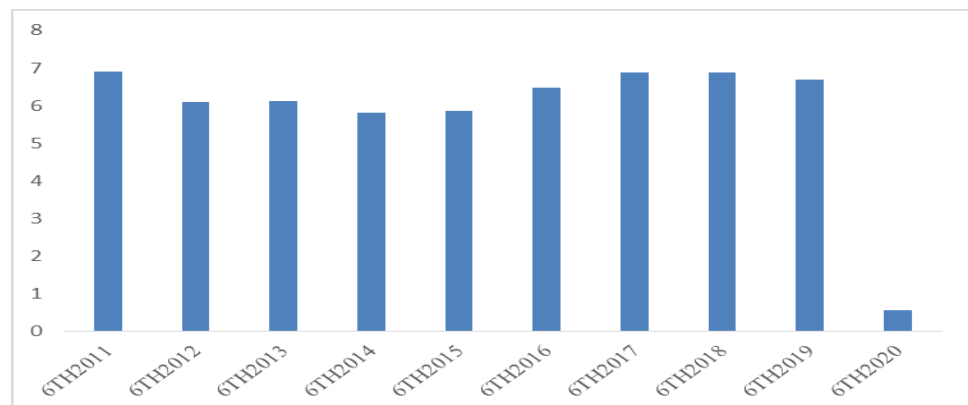
Đồ thị tăng trưởng của các nhóm ngành công nghiệp chủ chốt (%)



Nguồn: TCTK

+ Khu vực dịch vụ đã bị ảnh hưởng mạnh trong dịch bệnh trong 6 tháng đầu năm, các ngành dịch vụ có tỷ trọng đóng góp lớn vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm đều tăng thấp hoặc suy giảm. Cụ thể: Bán buôn và bán lẻ tăng 4,3% so với cùng kỳ năm trước, là ngành đóng góp lớn nhất vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế với 0,46 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,78%, đóng góp 0,32 điểm phần trăm; ngành vận tải, kho bãi giảm 3%, làm giảm 0,1 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 20,7%, làm giảm 0,95 điểm phần trăm.

Tăng trưởng của khu vực dịch vụ từ 2011 đến nay



Nguồn: TCTK

Mặc dù, tăng trưởng kinh tế bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh nhưng về cơ cấu nền kinh tế 6 tháng đầu năm 2020 không có nhiều thay đổi, trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 14,16%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 33,44%; khu vực dịch vụ chiếm 42,04%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,36% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2019 là: 13,54%; 34,20%; 42,03%; 10,23%).

Về sử dụng GDP 6 tháng đầu năm 2020, tiêu dùng cuối cùng tăng 0,69% so với cùng kỳ năm 2019; tích lũy tài sản tăng 1,93%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ giảm 0,31%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ giảm 2,54% - thấp hơn rất nhiều so với mức tăng lớn hơn 7% đối với tất cả các lĩnh vực trong 6 tháng đầu năm 2019.

Điều kiện sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo bị thu hẹp mạnh mẽ trước tác động của đại dịch

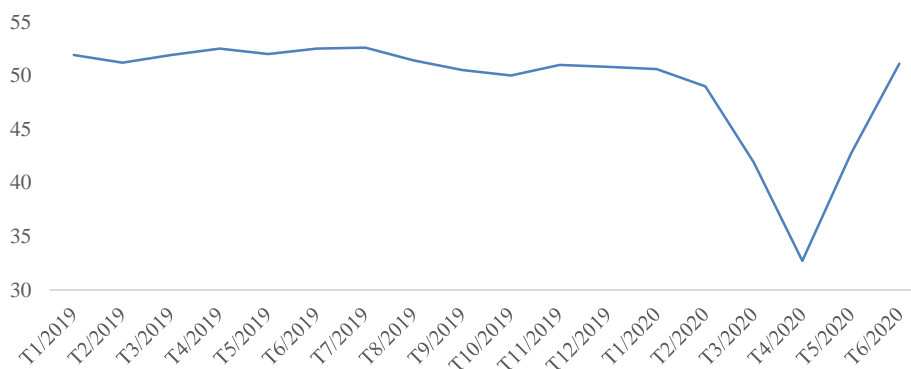
Trong 6 tháng đầu năm 2020, chỉ số PMI – Chỉ số quản trị nhà mua hàng đã có diễn biến giảm qua các tháng. Theo đó, PMI chỉ đạt ngưỡng mở rộng vào tháng 1 và nhanh chóng rơi xuống ngưỡng thu hẹp kể từ tháng 2, giảm mạnh nhất vào tháng 3 và tháng 4 khi dịch bệnh lan rộng trên toàn cầu và Chính phủ phải thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội để phòng, chống dịch bệnh tại Việt Nam. Thái độ thiếu tích cực về triển vọng sản xuất trong thời gian tới đã lần đầu tiên xuất hiện trong lịch sử khảo sát chỉ số vào tháng 4/2020 khi có khoảng 40% số người trả lời khảo sát cho rằng triển vọng là tiêu cực. Tuy nhiên, chỉ số PMI đã bắt đầu được cải thiện từ tháng 5 và đến tháng 6 đã tăng lên ngưỡng mở rộng khi nền kinh tế hoạt động bình thường trở lại.

Kết thúc tháng 6, PMI đạt 51,1 điểm từ mức 42,7 trong tháng 5, đạt trên ngưỡng trung bình đầu tiên trong 5 tháng – phản ánh tình trạng phục hồi tích cực của khu vực sản xuất trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo. Trong đó, đáng chú ý là các diễn biến sau:

- + Số lượng đơn đặt hàng mới đã tăng lần đầu tiên kể từ tháng 2 với mức tăng mạnh và nhanh. Trong đó, tốc độ tăng đã diễn ra trên cả lĩnh vực hàng hóa tiêu dùng và hàng hóa trung gian. Tuy nhiên, số lượng đơn đặt hàng mới vẫn tiếp tục giảm đối với lĩnh vực hàng hóa đầu tư cơ bản và đối với các đơn hàng xuất khẩu;
- + Sản lượng hàng hóa cũng có tín hiệu tăng trong tháng 6 với sự đóng góp chính từ lĩnh vực hàng hóa tiêu dùng;
- + Việc làm tiếp tục giảm tháng thứ năm liên tiếp nhưng tốc độ giảm ở mức thấp nhất kể từ tháng 2;
- + Hoạt động mua hàng và tồn kho hàng mua tăng nhẹ;
- + Chi phí đầu vào đã tăng trở lại mặc dù ở mức yếu, chủ yếu là do sự khan hiếm của một số nguyên vật liệu. Trong khi đó, giá bán hàng giảm tháng thứ năm liên tiếp ở mức độ nhẹ.

Với những diễn biến khá tích cực của các chỉ số thành phần trong tháng 6 cùng với những kết quả đã đạt được trong công tác kiểm soát dịch bệnh, tâm lý kinh doanh được cải thiện mạnh mẽ tháng thứ hai liên tiếp và là mức cao nhất kể từ đầu năm vào tháng cuối của quý II/2020. Mặc dù vậy, rào cản lớn nhất cho sự phục hồi mạnh mẽ của kinh tế trong nước chính là kết quả hoạt động của nền kinh tế thế giới đang rất ảm đạm khi ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 vẫn chưa được kiểm soát.

Diễn biến chỉ số PMI



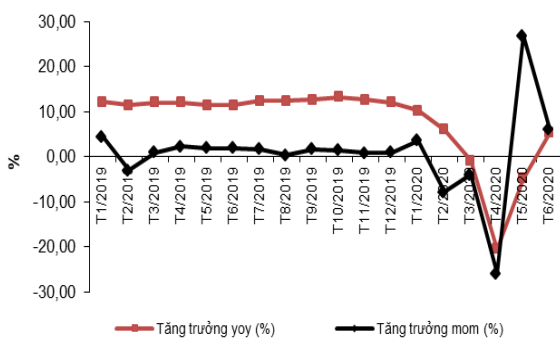
Nguồn: Nikkei

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng có những biến động mạnh

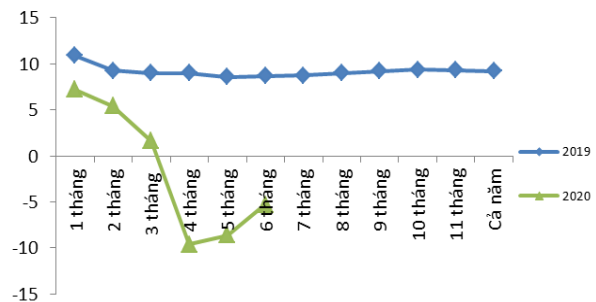
Trong nửa đầu năm 2020, hoạt động bán lẻ hàng hóa chịu tác động của dịch Covid 19 nên đã có những biến động mạnh so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chỉ duy trì được đà tăng trưởng so với cùng kỳ trong 2 tháng đầu năm, giảm mạnh trong 2 tháng tiếp theo khi số ca nhiễm Covid 19 tăng lên và lệnh cách ly xã hội bắt đầu được thực hiện, hồi phục trở lại trong 2 tháng gần đây khi lệnh giãn cách được gỡ bỏ.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 2.380,8 nghìn tỷ đồng, giảm 0,8% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá giảm 5,3% (cùng kỳ năm 2019 tăng 8,5%).

Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu DV TD so với tháng trước và cùng kỳ (%)



Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đã loại trừ yếu tố giá (% yoy)



Nguồn: TCTK

Xét theo ngành hoạt động, chỉ có doanh thu bán lẻ hàng hóa 6 tháng vẫn duy trì được mức tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước do nguồn cung hàng hóa dồi dào, bên cạnh đó hình thức mua sắm trực tuyến ngày càng phổ biến, đặc biệt là trong thời gian giãn cách xã hội nên vẫn đáp ứng được nhu cầu của người dân. Trái ngược lại, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống giảm 18,1% so với cùng kỳ do ảnh hưởng của tháng thực hiện giãn cách xã hội; doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành giảm 53,2% so với cùng kỳ năm trước do việc tạm dừng tiếp nhận khách du lịch quốc tế để khống chế dịch Covid-19, đồng thời du lịch nội địa cũng chưa sôi động trở lại.

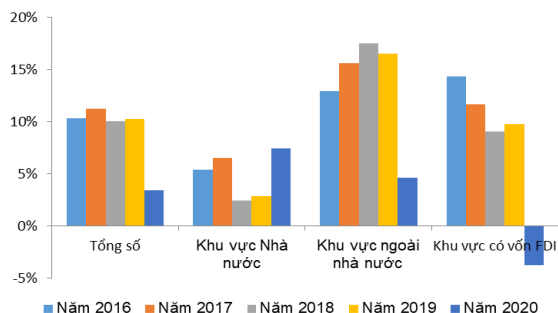
Vốn đầu tư toàn xã hội đạt mức tăng trưởng thấp nhất trong 5 năm qua

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện 6 tháng đầu năm 2020 ước đạt 850,3 nghìn tỷ đồng, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước và bằng 33% GDP, mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020 do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19 đến tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong đó, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý I đạt 369,1 nghìn tỷ đồng, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước; vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện quý II ước tính đạt 481,2 nghìn tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ năm trước,

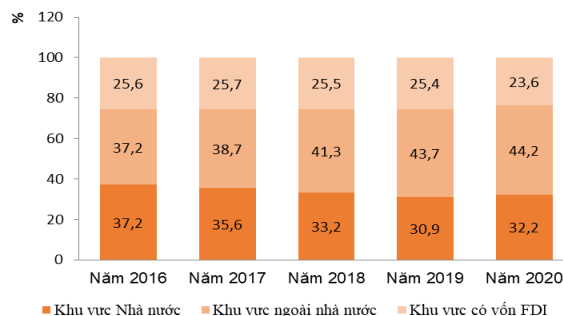
Xét cơ cấu vốn đầu tư 6 tháng theo khu vực kinh tế, vốn khu vực Nhà nước đạt 273,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 32,2% và tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 375,9 nghìn tỷ đồng, bằng 44,2% và tăng 4,6%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 200,9 nghìn tỷ đồng, bằng 23,6% và giảm 3,8%.

Mặc dù vậy, hiện nay khu vực ngoài Nhà nước có tỷ trọng đóng góp lớn nhất vào tổng vốn đầu tư toàn xã hội, tiếp đó là khu vực Nhà nước. Tỷ trọng đóng góp của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm so với năm ngoái do sự sụt giảm của dòng vốn đầu tư từ khu vực này trong 6 tháng qua.

Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư của các khu vực kinh tế 6 tháng giai đoạn 2016 – 2020 (%yoy)



Tỷ trọng đóng góp vào vốn đầu tư toàn xã hội phân theo khu vực 6 tháng giai đoạn 2016 – 2020

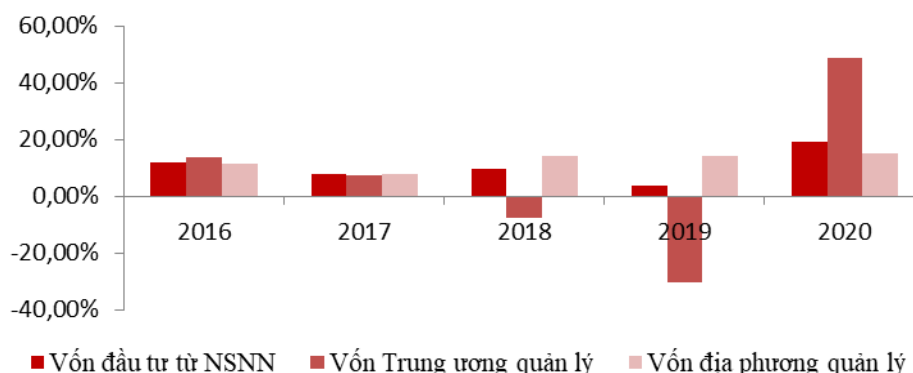


Nguồn: TCTK

Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước 6 tháng đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2016 - 2020

Trong vốn đầu tư của khu vực Nhà nước, vốn từ ngân sách Nhà nước thực hiện 6 tháng ước tính đạt 154,4 nghìn tỷ đồng, bằng 33,1% kế hoạch năm và tăng 19,2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2019 bằng 33,8% và tăng 4,2%). Như vậy, trong bối cảnh các nguồn vốn đầu tư khác đều giảm sút do tác động của dịch bệnh, vốn đầu tư từ nguồn NSNN lại đạt tốc độ tăng cao nhất trong vòng 5 năm qua, cho thấy các giải pháp quyết liệt của Chính phủ thực hiện giải ngân vốn đầu tư công đã phát huy hiệu quả. Trong đó, vốn trung ương quản lý đạt 24,1 nghìn tỷ đồng, bằng 31,1% kế hoạch năm và tăng 48,8% so với cùng kỳ năm trước; vốn địa phương quản lý đạt 130,3 nghìn tỷ đồng, bằng 33,5% và tăng 15%; đều là những mức tăng trưởng tích cực hơn so với cùng kỳ một số năm trước.

Tăng trưởng các cấu phần vốn đầu tư từ NSNN qua 6 tháng so với cùng kỳ giai đoạn 2016 - 2020



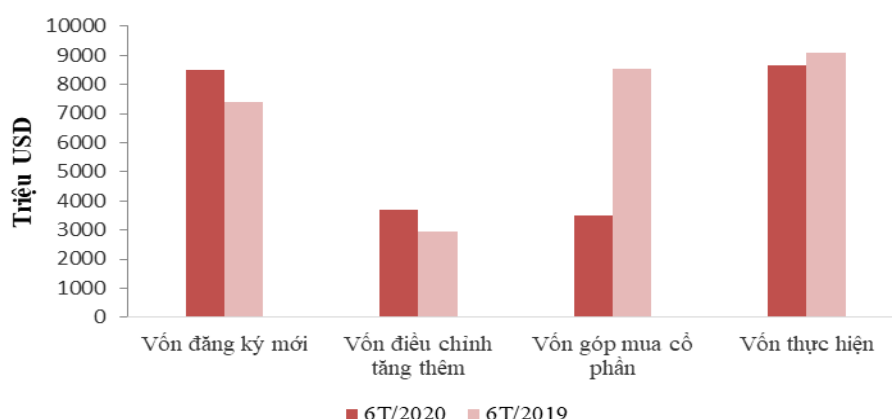
Nguồn: TCTK

Lượng FDI 6 tháng đã giảm trên hai cấu phần vốn góp mua cổ phần và vốn FDI thực hiện

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/6/2020 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 15,7 tỷ USD, giảm 15,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, số vốn đăng ký đạt gần 8,5 tỷ USD, tăng 13,8% so với cùng kỳ năm trước; số vốn tăng thêm đạt 3,7

tỷ USD, tăng 26,8%; tổng giá trị góp vốn mua cổ phần đạt 3,5 tỷ USD, giảm 56,8%. Bên cạnh đó, vốn FDI thực hiện 6 tháng ước đạt 8,65 tỷ USD, giảm 4,9% so với cùng kỳ năm trước.

Thống kê vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam 6T/2019 và 6T/2020

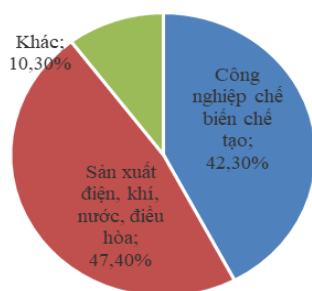


Nguồn: TCTK

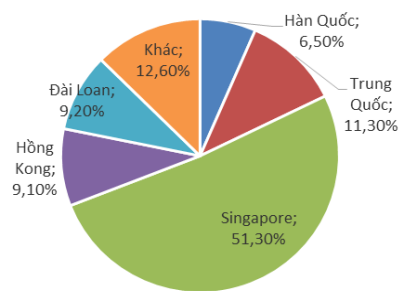
Qua 6 tháng, với 1 dự án lớn trị giá 4 tỷ USD được cấp phép trong tháng 1, ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 4 tỷ USD, chiếm 47,4% tổng vốn đăng ký cấp mới; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 3,6 tỷ USD, chiếm 42,3%; các ngành còn lại đạt 864,5 triệu USD, chiếm 10,3%

Trong số 61 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 6 tháng đầu năm, Singapore là nhà đầu tư lớn nhất với 4,3 tỷ USD, chiếm 51,3% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Trung Quốc 950,1 triệu USD, chiếm 11,3%; Đài Loan 775,2 triệu USD, chiếm 9,2%; Hồng Kông, Hàn Quốc, Nhật Bản,...

Cơ cấu thu hút FDI theo ngành



Cơ cấu thu hút FDI theo lãnh thổ



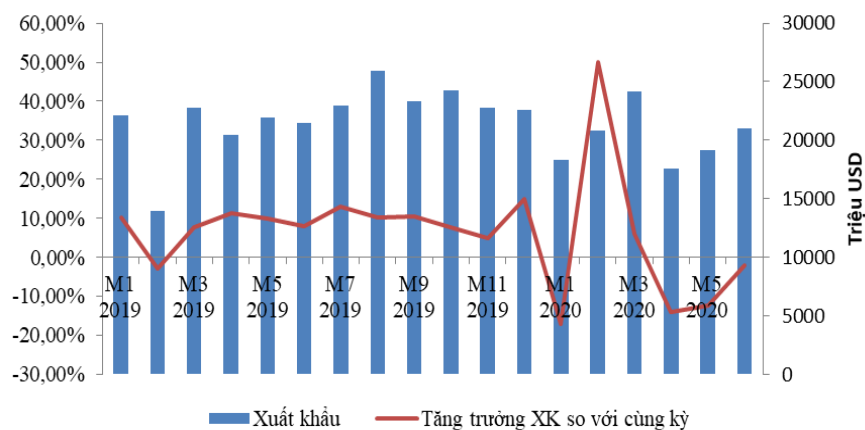
Nguồn: TCTK

Xuất khẩu 6 tháng giảm so với cùng kỳ

Số liệu thống kê cho thấy kim ngạch xuất khẩu vẫn diễn biến tích cực trong quý I khi đạt 63,23 tỷ USD, tăng khoảng 7,5% so với quý I năm ngoái. Tuy nhiên, bước sang quý II, kim ngạch xuất khẩu đã có sự sụt giảm xuống còn 57,98 tỷ USD, giảm 9% so với cùng kỳ năm trước và giảm 8,3% so với quý I năm nay, trong đó cả 3 tháng của quý II đều sụt giảm so với cùng kỳ. Đây là diễn biến trái ngược so với hàng năm khi quý II thường là quý đạt kim ngạch xuất khẩu tích cực hơn so với quý I, phản ánh rõ hoạt động xuất khẩu đang gặp khó khăn do sự thu hẹp tại thị trường các nước đối tác.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 121,21 tỷ USD, giảm 1,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 41,38 tỷ USD, tăng 11,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 79,83 tỷ USD, giảm 6,7%. Diễn biến này kém tích cực hơn so với cùng kỳ năm 2019⁷, đặc biệt đối với khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

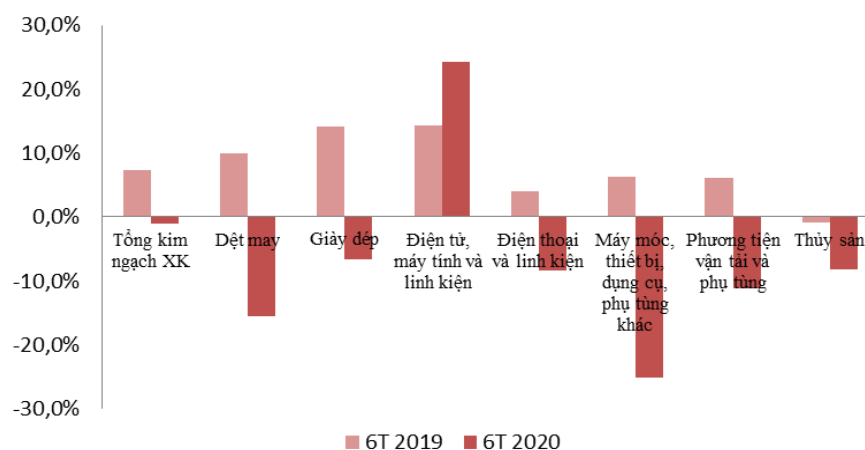
Giá trị và tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu so với cùng kỳ T1/2019 – T6/2020



Nguồn: TCTK

Trong 6 tháng đầu năm 2020, có 22 mặt hàng đạt giá trị kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, thấp hơn so với con số 26 mặt hàng của năm ngoái. Nhiều mặt hàng chủ lực thuộc nhóm chế biến chế tạo và nông sản đã có kim ngạch xuất khẩu sụt giảm so với cùng kỳ như điện thoại và linh kiện, dệt may, giày dép, phương tiện vận tải phụ tùng, thủy sản, rau quả,...

Tốc độ tăng trưởng kim ngạch XK một số mặt hàng chủ lực 6T/2019 và 6T/2020



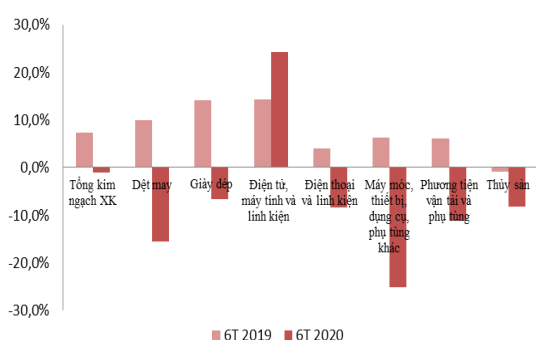
Nguồn: TCTK

Trong 6 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ đạt 30,3 tỷ USD tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước – tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 19,5 tỷ USD, tăng mạnh 17,4% so với cùng kỳ năm trước, đứng vị trí thứ 2 trong số các thị trường xuất khẩu hàng đầu của

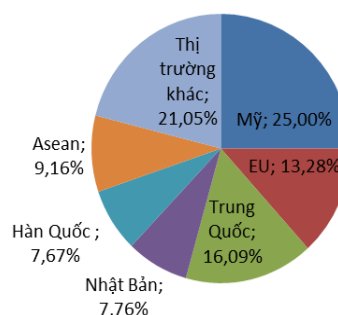
⁷ 6 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu tăng 7,3% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 10,8%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 5,9%.

Việt Nam. Xuất khẩu sang nhiều thị trường truyền thống như khu vực EU, Asean, Nhật Bản giảm so với cùng kỳ.

Tốc độ tăng trưởng kim ngạch XK một số mặt hàng chủ lực 6T/2019 và 6T/2020



Cơ cấu XK phân theo một số thị trường chủ chốt 6T/2020



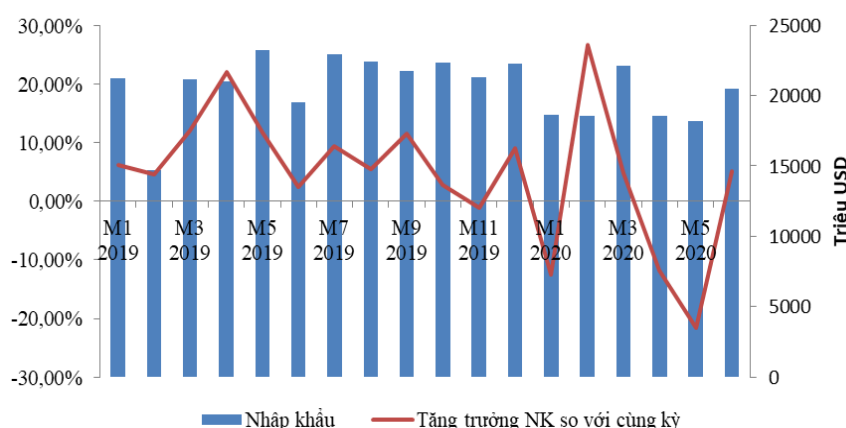
Nguồn: TCTK

Nhập khẩu 6 tháng giảm so với cùng kỳ

Trong quý I, kim ngạch nhập khẩu đạt xấp xỉ 59,5 tỷ USD, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, bước sang quý II, xuất khẩu và hoạt động sản xuất trong nước suy giảm dưới tác động của dịch Covid 19 đã khiến kim ngạch nhập khẩu chậm lại, đạt 57,68 tỷ USD, giảm 9,1% so với cùng kỳ năm trước và giảm 3% so với quý I năm nay.

Tính chung 6 tháng đầu năm, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu ước đạt 117,17 tỷ USD, giảm 3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 51,55 tỷ USD, tăng 0,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 65,62 tỷ USD, giảm 5,4%. Đây đều là những mức tăng thấp hơn so với cùng kỳ năm 2019, trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài còn sụt giảm⁸.

Giá trị và tốc độ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu so với cùng kỳ T1/2019 – T6/2020



Nguồn: TCTK

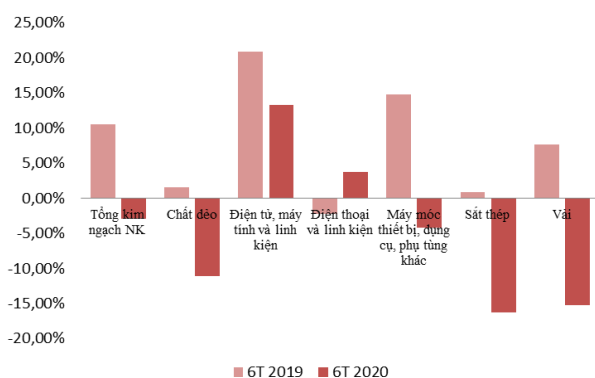
Trong 6 tháng năm nay có 22 mặt hàng nhập khẩu đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD, thấp hơn con số 26 mặt hàng của năm ngoái. Nhiều mặt hàng tư liệu sản xuất, nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất, gia công, lắp ráp trong nước đều giảm so với cùng kỳ, phản ánh đúng thực trạng

⁸ 6 tháng đầu năm 2019, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tăng 10,5% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 14,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 7,8%.

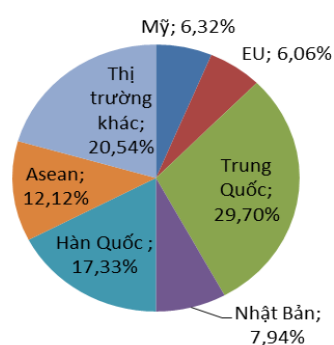
xuất khẩu đối với nhóm hàng này đang sụt giảm. Bên cạnh đó, nhập khẩu hàng tiêu dùng ước đạt 7,7 tỷ USD, giảm 6,5% so với cùng kỳ năm trước cũng phản ánh nhu cầu tiêu dùng nội địa giảm sút dưới tác động của dịch bệnh.

Về thị trường hàng hóa nhập khẩu trong 6 tháng đầu năm, thị trường nhập khẩu dẫn đầu của Việt Nam tiếp tục là Trung Quốc với kim ngạch đạt 34,8 tỷ USD, giảm 2,2% so với cùng kỳ năm trước; tiếp theo là thị trường Hàn Quốc đạt 20,3 tỷ USD, giảm 10%. Thị trường ASEAN đạt 14,2 tỷ USD, giảm 11,9%. Nhật Bản đạt 9,3 tỷ USD, tăng 5,3%. Hoa Kỳ đạt 7,4 tỷ USD, tăng 7,2%. Thị trường EU đạt 7,1 tỷ USD, tăng 8,4%.

Tốc độ tăng trưởng kim ngạch NK một số hàng chủ lực 6T/2019 và 6T/2020



Cơ cấu NK phân theo một số thị trường chủ chốt 6T/2020

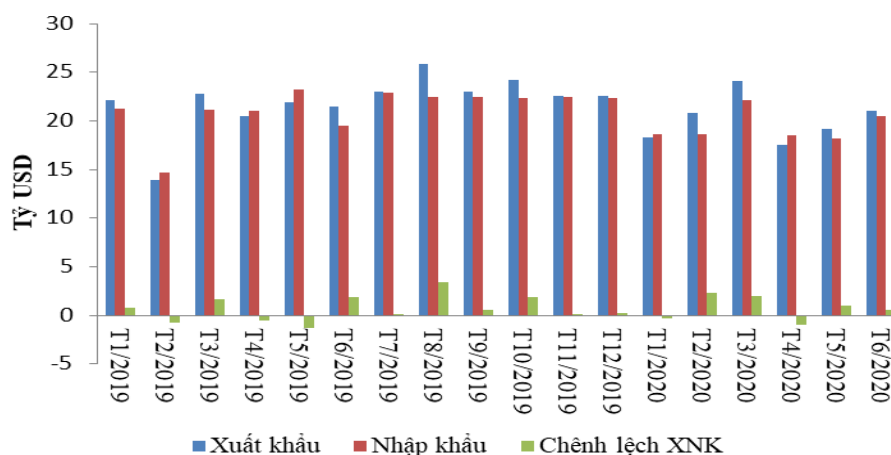


Nguồn: TCTK

Cán cân thương mại 6 tháng ước xuất siêu 4 tỷ USD

Cán cân thương mại qua 6 tháng ước xuất siêu 4 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 1,7 tỷ USD). Cán cân thương mại có 2 tháng nhập siêu là tháng 1 và tháng 4, xuất siêu trong 4 tháng còn lại. Nhập siêu vẫn thuộc về khu vực kinh tế trong nước với mức nhập siêu 10,2 tỷ USD, trong khi đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 14,2 tỷ USD.

Diễn biến xuất khẩu, nhập khẩu, cán cân thương mại giai đoạn 1/2019 – 6/2020



Nguồn: TCTK

Một số VBPL chính sách quan trọng liên quan đến điều tiết tăng trưởng kinh tế được ban hành trong tháng 6 năm 2020

Nghị quyết 96/NQ-CP ngày 12/6/2020 về việc thông qua đề nghị xây dựng Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công

Theo đó, thông qua đề nghị xây dựng Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Chính phủ giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương liên quan nghiên cứu, xây dựng Nghị định trình Chính phủ trong quý IV/2020.

Thông tư số 11/2020/TT-BCT ngày 15/6/2020 quy định quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu

Cụ thể, hàng hóa được gửi theo kiện nhỏ từ cá nhân đến cá nhân hoặc hành lý cá nhân của người đi du lịch được coi là hàng hóa có xuất xứ mà không yêu cầu phải có chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, với điều kiện hàng hóa đó không được nhập khẩu theo hình thức thương mại.

Bên cạnh đó, lô hàng nhập khẩu không thường xuyên chi bao gồm các sản phẩm phục vụ tiêu dùng cá nhân của người nhận hàng hoặc người đi du lịch hoặc gia đình của người đó không được coi là nhập khẩu theo hình thức thương mại.

Cần lưu ý, để được miễn chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa thì tổng trị giá hàng hóa trên không được vượt quá:

Thứ nhất, 500 EUR đối với kiện hàng nhỏ hoặc 1.200 EUR đối với hàng hóa là một phần hành lý cá nhân của người đi du lịch khi nhập cảnh vào Liên minh Châu Âu.

Thứ hai, 200 USD đối với trường hợp kiện hàng nhỏ và hàng hóa là một phần hành lý cá nhân của người đi du lịch khi nhập cảnh vào Việt Nam.

Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020 Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết

Theo đó, Nghị định quy định tổng chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Tổng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) phát sinh trong kỳ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ (theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP, tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ của người nộp thuế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ của người nộp thuế).

Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 Phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 – 2030

Mục tiêu nhằm phát triển nền nông nghiệp hữu cơ có giá trị gia tăng cao, bền vững, thân thiện với môi trường sinh thái, gắn với kinh tế nông nghiệp tuần hoàn phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Sản phẩm nông nghiệp hữu cơ được chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ của khu vực và thế giới; đưa Việt Nam trở thành quốc gia có trình độ sản xuất nông nghiệp hữu cơ ngang bằng các nước tiên tiến trên thế giới.

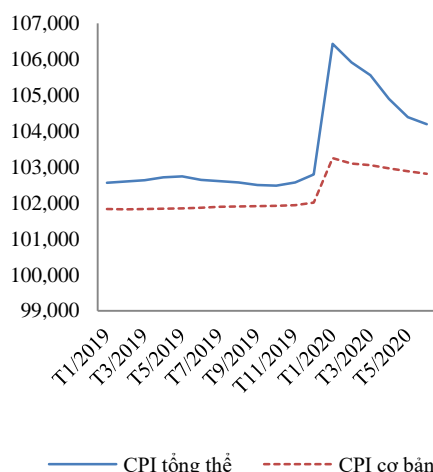
Mục tiêu đến năm 2025, diện tích nhóm đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ đạt khoảng 1,5 - 2% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp; diện tích đất trồng trọt hữu cơ đạt khoảng trên 1% tổng diện tích đất trồng trọt với các cây trồng chủ lực như: lúa, rau đậu các loại, cây ăn quả, chè, hồ tiêu, cà phê, điều, dừa...

2. Lạm phát

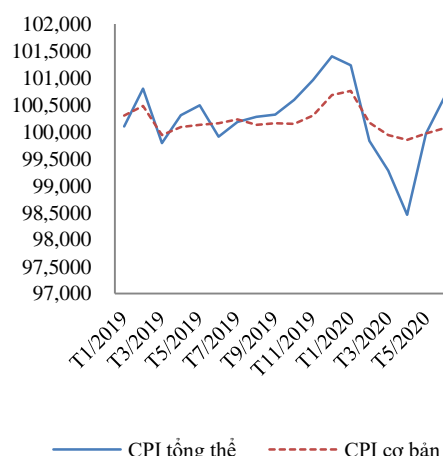
CPI bình quân 6 tháng đầu năm đạt mức tăng bình quân cao nhất trong vòng 5 năm qua

CPI bình quân 6 tháng đầu năm 2020 ước tăng 4,19% so với cùng kỳ năm 2019 - đây là mức tăng bình quân cao nhất trong vòng 5 năm qua⁹. CPI tháng 6/2020 tăng 0,66% so với tháng trước – mức tăng cao nhất trong tháng 6 từ năm 2016 – 2020 và tăng 3,17% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, lạm phát cơ bản tháng 6/2020 tăng 0,07% so với tháng trước và tăng 2,45% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 6 tháng năm 2020 tăng 2,81% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

CPI so với bình quân cùng kỳ (%)



CPI so với tháng trước (%)



Nguồn: TCTK

Trong 6 tháng đầu năm, có 8/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chủ yếu có chỉ số giá tăng so với bình quân cùng kỳ năm trước với những diễn biến đáng chú ý như sau:

- CPI bình quân nhóm Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng mạnh nhất với mức tăng 11,17%; trong đó tăng mạnh nhất là CPI của nhóm ngành thực phẩm ở mức 14,28% so với cùng kỳ năm trước¹⁰ - làm CPI chung tăng 3,23%; CPI nhóm ngành lương thực tăng 3,38% so với cùng kỳ năm trước - làm CPI chung tăng 0,15.
- CPI bình quân nhóm Giáo dục tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó Dịch vụ giáo dục tăng 4,66% so với cùng kỳ năm trước.
- CPI bình quân nhóm Thuốc và dịch vụ y tế tăng 3,29% so với cùng kỳ năm trước, trong đó Dịch vụ y tế tăng 3,86%.
- CPI bình quân nhóm Nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 3,01% so với cùng kỳ năm trước do tăng giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 4,39%; giá điện tăng 7,59%.
- CPI bình quân nhóm Đồ uống và thuốc lá tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước do nhu cầu tiêu dùng đồ uống giải khát trong mùa hè tăng cao¹¹.

⁹ Tốc độ tăng CPI bình quân 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước các năm 2016-2020 lần lượt là: 1,72%; 4,15%; 3,29%; 2,64%; 4,19%

¹⁰ Giá thịt lợn tăng trên 100.000 đồng/kg tương đương tăng 68,2%

¹¹ Giá nước khoáng tăng 0,05%, giá nước quả ép tăng 0,24%, giá nước uống tăng lực đóng chai tăng 0,11%

- Các nhóm ngành khác có CPI bình quân tăng giao động trong khoảng 1,04% - 3,45%.

Bên cạnh đó, trong 6 tháng đầu năm đã có 03/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chủ yếu có chỉ số giá giảm so với bình quân cùng kỳ năm trước, cụ thể:

- CPI bình quân nhóm Giao thông giảm mạnh nhất với mức giảm 9,26% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do giá xăng, dầu giảm 19,49% (tác động làm CPI chung giảm 0,81%);
- CPI bình quân nhóm Văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,5% so với cùng kỳ năm trước;
- CPI bình quân nhóm Bru chính viễn thông giảm liên tục ở mức 0,61% so với cùng kỳ năm trước.

Một số VBPL chính sách quan trọng về điều tiết giá cả được ban hành trong tháng 6 năm 2020

Công văn số 4227/BCT-TTTN ngày 12/6/2020 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: tăng 988 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 955 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: tăng 766 đồng/lít; Dầu hỏa: tăng 853 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 930 đồng/kg.

Công văn số 4686/BCT-TTTN ngày 27/6/2020 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: tăng 868 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 893 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: tăng 599 đồng/lít; Dầu hỏa: tăng 428 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 581 đồng/kg.

3. Thu chi ngân sách Nhà nước

Thu NSNN chậm hơn so với cùng kỳ năm ngoái; chi đầu tư phát triển có sự cải thiện

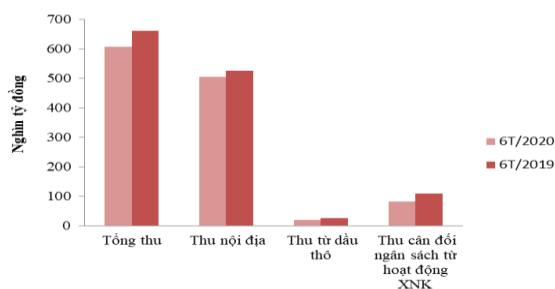
Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/6/2020 ước tính đạt 607,1 nghìn tỷ đồng, bằng 40,1% dự toán năm, trong đó thu nội địa đạt 503,8 nghìn tỷ đồng, bằng 39,9%; thu từ dầu thô 20,2 nghìn tỷ đồng, bằng 57,5%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 82,8 nghìn tỷ đồng, bằng 39,8%. Như vậy, nếu so với cùng kỳ năm trước, cả 3 nguồn thu đều có sự sụt giảm cả về mặt giá trị tuyệt đối cũng như giá trị trên dự toán¹². Điều đó phản ánh những khó khăn nhất định trong hoạt động thu NSNN do tác động của dịch bệnh.

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/6/2020 ước tính đạt 676,2 nghìn tỷ đồng, bằng 38,7% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 475,1 nghìn tỷ đồng, bằng 45%; chi đầu tư phát triển 140,3 nghìn tỷ đồng, bằng 29,8%; chi trả nợ lãi 56,4 nghìn tỷ đồng, bằng 47,8%. Chi NSNN trong 6 tháng đầu năm nay có sự cải thiện ở cấu phần chi đầu tư phát triển, phù hợp với việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư từ NSNN trong 6 tháng qua. 2 cấu phần chi còn lại không có nhiều thay đổi so với cùng kỳ năm ngoái¹³.

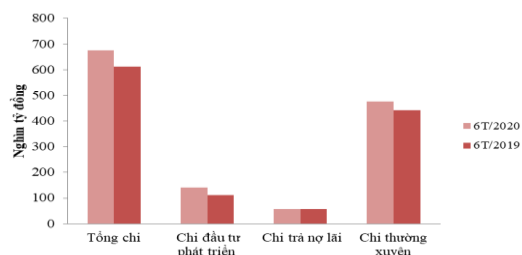
¹² Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/6/2019 ước đạt 660,6 nghìn tỷ đồng, bằng 46,8% dự toán năm, trong đó thu nội địa 524,8 nghìn tỷ đồng, bằng 44,7%; thu từ dầu thô 26,1 nghìn tỷ đồng, bằng 58,4%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 109 nghìn tỷ đồng, bằng 57,6%.

¹³ Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/6/2019 ước đạt 612,5 nghìn tỷ đồng, bằng 37,5% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 441,1 nghìn tỷ đồng, bằng 44,1%; chi đầu tư phát triển 112,1 nghìn tỷ đồng, bằng 26,1%; chi trả nợ lãi 55,9 nghìn tỷ đồng, bằng 44,7%.

Diễn biến cấu phần thu NSNN 6T/2019 và 6T/2020



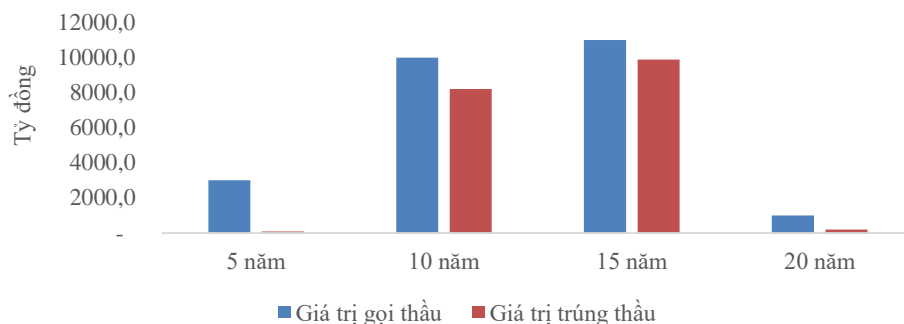
Diễn biến cấu phần chi NSNN 6T/2019 và 6T/2020



Nguồn: TCTK

Kết thúc 6 tháng đầu năm 2020, Kho bạc Nhà nước huy động thành công 87.037 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ qua đấu thầu với tổng giá trị gọi thầu là 129.000 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 67,5%, hoàn thành 33,5% kế hoạch cả năm 2020. Trong đó, khối lượng trúng thầu trái phiếu Chính phủ trong QII/2020 là 54.056 tỷ đồng – tương đương 90% kế hoạch và tăng 64% so với QI/2020. Trong 6 tháng, tỷ lệ TPCP gọi thầu và trúng thầu ở mức cao tập trung ở kỳ hạn 10 năm và kỳ hạn 15 năm.

Giá trị trúng thầu và gọi thầu qua các kỳ hạn trong tháng 6 đầu năm 2020



Nguồn: hnx.vn

Kết thúc tháng 6, lãi suất trúng thầu của trái phiếu kỳ hạn 5 năm nằm trong khoảng 1,92% - 1,97%/năm, 10 năm nằm trong khoảng 2,98% - 3,01%/năm, 15 năm nằm trong khoảng 3,12% - 3,15%/năm; 20 năm nằm trong khoảng 3,42% - 3,45%/năm.

Một số VBPL chính sách quan trọng về ngân sách được ban hành trong tháng 6 năm 2020

Quyết định 977/QĐ-BTC ngày 26/6/2020 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2020

Cụ thể, chuyển 540 triệu đồng từ mục chi khác sang mục chi thực hiện nhiệm vụ Bộ Tài chính ủy thác cho Hội kế toán và kiểm toán Việt Nam và Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam tại nhóm Chi quản lý hành chính theo định mức.

Bên cạnh đó, Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tài chính căn cứ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2020 được điều chỉnh thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Thông tư 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 về việc hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước

Cụ thể, Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về kiểm soát chi đối với mua sắm tài sản công, trong đó có xe ô tô công. Theo đó, chi mua sắm xe ô tô phục vụ công tác các chức danh và xe ô tô phục vụ công tác chung, Kho bạc Nhà nước kiểm soát đảm bảo không vượt dự toán chi tiết và giá mua xe ô tô theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 24/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

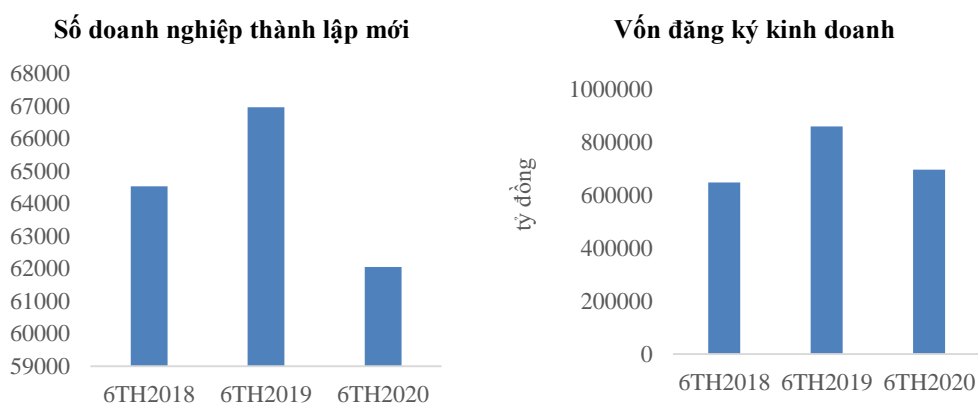
Đồng thời, đối với chi mua sắm xe ô tô chuyên dùng, Kho bạc Nhà nước kiểm soát đảm bảo không vượt dự toán chi tiết và mức giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kiểm soát đối tượng sử dụng, chủng loại, theo quy định tại văn bản ban hành tiêu chuẩn, định mức ô tô chuyên dùng của cấp có thẩm quyền ban hành (thẩm quyền ban hành theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP; Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 85/2018/NĐ-CP).

Bên cạnh đó, Bộ cũng quy định Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán các khoản chi từ Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm; Đối với chi đào tạo, bồi dưỡng nhân lực ở nước ngoài bằng Ngân sách Nhà nước; Đối với chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp;...

4. Tình hình doanh nghiệp

Số doanh nghiệp thành lập mới đã giảm về số lượng và vốn đăng ký

Trong 6 tháng đầu năm 2020, cả nước có hơn 62 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 697,1 nghìn tỷ đồng, giảm 7,3% về số doanh nghiệp và giảm 19% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 11,2 tỷ đồng, giảm 12,5% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, trong 6 tháng đầu năm còn có 25,2 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 6 tháng lên 87,2 nghìn doanh nghiệp, giảm 1,5% so với cùng kỳ năm trước, trung bình mỗi tháng có 14,5 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.



Nguồn: TCTK

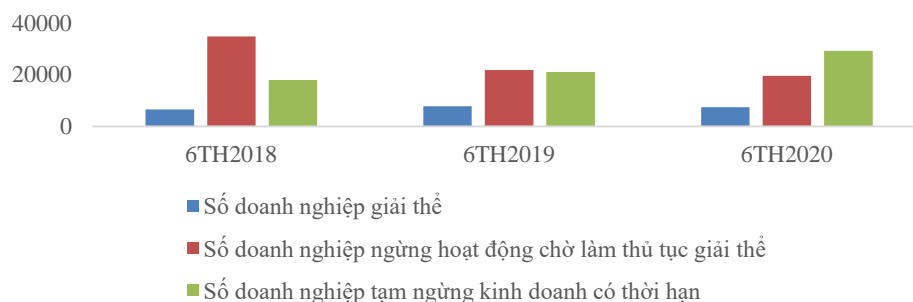
Trong 6 tháng đầu năm, có 1.095 doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước; có 17,9 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, giảm 1,8%; có 43,1 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, giảm 9,9%.

Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn đã tăng mạnh

Trong 6 tháng đầu năm 2020, trong cả nước có 29,2 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 38,2% so với cùng kỳ năm trước – mức cao nhất trong 3 năm trở lại đây. Bên cạnh đó, số doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể là 19,6 nghìn, giảm 10,2%; số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể là 7,4 nghìn - giảm 5%. Trong đó, số doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng là có 6,6 nghìn doanh nghiệp - giảm 6,4%; doanh nghiệp có quy mô vốn trên 100 tỷ đồng là 108 doanh nghiệp, tăng 0,9%.

Doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực: bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy với gần 2,7 nghìn doanh nghiệp; lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo có 877 doanh nghiệp; xây dựng có 616 doanh nghiệp; lĩnh vực du lịch, dịch vụ, khoa học, công nghệ,... con số này lớn hơn 400 doanh nghiệp.

Tình hình giải thể, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và tạm ngừng kinh doanh có thời hạn



Nguồn: TCTK

5. Tình hình lao động, việc làm

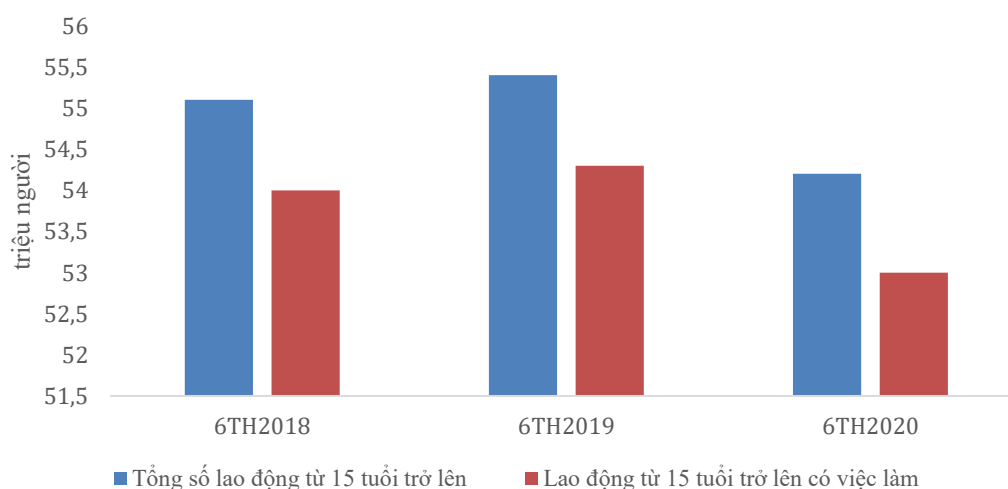
Lao động, việc làm giảm mạnh

Trong 6 tháng đầu năm 2020, tình hình lao động, việc làm đã giảm mạnh trên cả nước và trong các ngành, nghề lao động, đáng chú ý là xu hướng giảm trong quý II. Cụ thể, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý II ước tính là 53,1 triệu người, giảm 2,2 triệu người so với quý trước và giảm 2,4 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên ước tính là 54,2 triệu người, giảm gần 1,3 triệu người so với cùng kỳ năm 2019. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động 6 tháng đầu năm 2020 ước tính đạt 73,8%, giảm 2,8 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

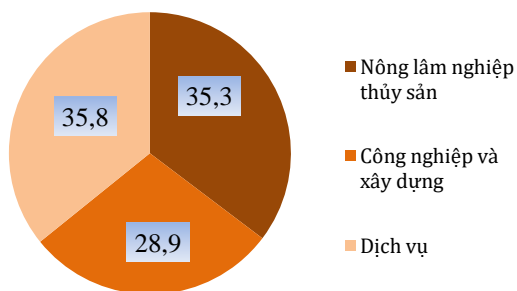
Lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm trong 6 tháng đầu năm ước tính là 53 triệu người, bao gồm 17,6 triệu người đang làm việc ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, chiếm 33,2% tổng số (giảm 1,6 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước); khu vực công nghiệp và xây dựng 16,3 triệu người, chiếm 30,7% (tăng 1,1 điểm phần trăm); khu vực dịch vụ 19,1 triệu người, chiếm 36,1% (tăng 0,5 điểm phần trăm).

Trong Quý II, Lực lượng lao động trong độ tuổi lao động ước tính là 46,8 triệu người, giảm 2,1 triệu người so với quý trước và giảm 2,2 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm, lực lượng lao động trong độ tuổi lao động là 47,9 triệu người, giảm 1,1 triệu người so với cùng kỳ năm trước.

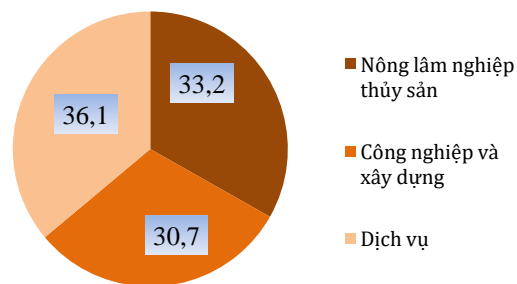
Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên



Tỷ trọng lao động trên 15 tuổi có việc làm phân theo khu vực 6 tháng đầu năm 2019 (%)



Tỷ trọng lao động trên 15 tuổi có việc làm phân theo khu vực 6 tháng đầu năm 2020 (%)

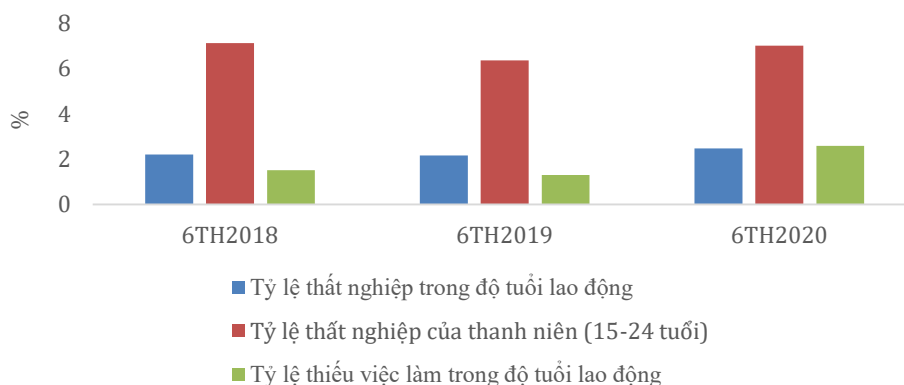


Nguồn: TCTK

Ngoài ra, tỷ lệ thất nghiệp chung của cả nước trong 6 tháng đầu năm ước tính là 2,26% (quý I là 2,02%; quý II là 2,51%), trong đó tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị là 3,62%; khu vực nông thôn là 1,59%.

Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi 6 tháng ước tính là 2,47% (quý I là 2,22%; quý II là 2,73%), trong đó tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị là 3,82%; khu vực nông thôn là 1,77%. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15-24 tuổi) ước tính là 7%, trong đó khu vực thành thị là 10,45% và khu vực nông thôn là 5,5%. Bên cạnh đó, tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi ước tính là 2,58%, trong đó khu vực thành thị là 1,67%; khu vực nông thôn là 3,05%.

Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trong độ tuổi lao động



Nguồn: TCTK

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ, CHỨNG KHOÁN

Một số VBPL chính sách quan trọng điều tiết hoạt động trên thị trường tiền tệ, ngân hàng được ban hành trong tháng 6 năm 2020

Thông tư 06/2020/TT-NHNN ngày 30/6/2020 về việc quy định về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Một trong những yêu cầu của kiểm toán nội bộ trong ngân hàng là không chịu sự can thiệp trong việc xác định phạm vi kiểm toán thực hiện công việc cũng như bị giới hạn trong việc tiếp cận công tin tài liệu kiểm toán.

Đặc biệt, không được bố trí kiểm soát viên ngân hàng, người làm công tác kiểm toán nội bộ thực hiện việc kiểm toán đối với các hoạt động hoặc các đơn vị mình là người chịu trách nhiệm chính thực hiện hoạt động hoặc quản lý trong vòng 03 năm gần nhất.

Bên cạnh đó, đơn vị mà mình có người thân là Thủ trưởng, Kế toán trưởng (hoặc Trưởng phòng kế toán), Trưởng phòng/Bộ phận kiểm soát nội bộ, người làm công tác kiểm soát nội bộ chuyên trách của đơn vị đó cũng không được bố trí làm kiểm soát viên.

Trong quá trình kiểm toán nghiêm cấm các hành vi sách nhiễu, lợi dụng chức vụ quyền hạn để vụ lợi. Các đơn vị được kiểm toán không được từ chối cung cấp thông tin, tài liệu bao gồm cả tài liệu mật liên quan đến kế hoạch, nội dung kiểm toán theo yêu cầu.

Quyết định 1121/QĐ-NHNN ngày 22/6/2020 về việc đính chính Thông tư 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Theo đó, đính chính một số lỗi kỹ thuật quy định tại Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 như sau:

Thứ nhất, đính chính cụm từ “Tỷ lệ dư nợ cho vay thành viên quỹ tín dụng nhân dân so với tổng dư nợ cho vay” thành cụm từ “Tỷ lệ dư nợ cho vay quỹ tín dụng nhân dân thành viên so với tổng dư nợ cho vay” tại Điểm đ Khoản 1 Điều 8, chỉ tiêu tại số thứ tự 2.5 Bảng ngưỡng tính điểm chỉ tiêu định lượng tại Điều 14, chỉ tiêu tại số thứ tự 2.5 Bảng trọng số của từng chỉ tiêu định lượng tại Điều 15.

Thứ hai, đính chính cụm từ “Chỉ tiêu định lượng có giá trị càng lớn thì mức độ rủi ro càng tăng” thành “Chỉ tiêu định lượng có giá trị càng lớn thì mức độ rủi ro càng giảm” tại số thứ tự 2.5 Bảng ngưỡng tính điểm từng chỉ tiêu định lượng.

Thứ ba, tại Điều 16 Thông tư 52/2018/TT-NHNN đã tin: “3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa hoặc không thuộc đối tượng...” nay sửa thành “4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa hoặc không thuộc đối tượng...”

Lãi suất điều hành đã được điều chỉnh giảm khá mạnh

Trong 6 tháng đầu năm, NHNN đã 02 lần điều chỉnh lãi suất định hướng vào tháng 3 và tháng 5/2020 với mức điều chỉnh khá mạnh so với trước đó, rơi vào trong khoảng 1 – 1,5 điểm phần trăm/mỗi mức lãi suất. Theo đó, lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng VND không kỳ hạn, có kỳ hạn dưới 1 tháng và từ 1 – 6 tháng của các TCTD và lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của TCTD đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế ưu tiên hiện được quy định như sau:

- Lãi suất tái cấp vốn giảm là 4,5%/năm; lãi suất tái chiết khấu là 3,0%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN với các ngân hàng là 5,5%/năm.

- Lãi suất chào mua giấy tờ có giá qua nghiệp vụ thị trường mở (lãi suất OMO) ở mức 3,0%/năm.

- Lãi suất tối đa đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng là 0,2%/năm; lãi suất tối đa đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng là 4,25%/năm; lãi suất tối đa đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng tại Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND), Tổ chức tài chính vi mô (TCTCVM) ở mức 4,75%/năm.

- Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của TCTD đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế ưu tiên¹⁴ ở mức 5,0%/năm; lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của QTDND và TCTCVM đối với các nhu cầu vốn là 6,0%/năm.

Lãi suất huy động trong nền kinh tế cũng giảm theo tín hiệu điều hành của NHNN

Trong 6 tháng đầu năm 2020, lãi suất huy động trong nền kinh tế đã có diễn biến ổn định, bám sát tín hiệu điều hành của NHNN, lãi suất đã giảm liên tục từ tháng 3 đến nay trong cả khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước và khối NHTM CP. Trong đó, diễn biến giảm trên diện rộng thường diễn ra ngay trong tháng NHNN

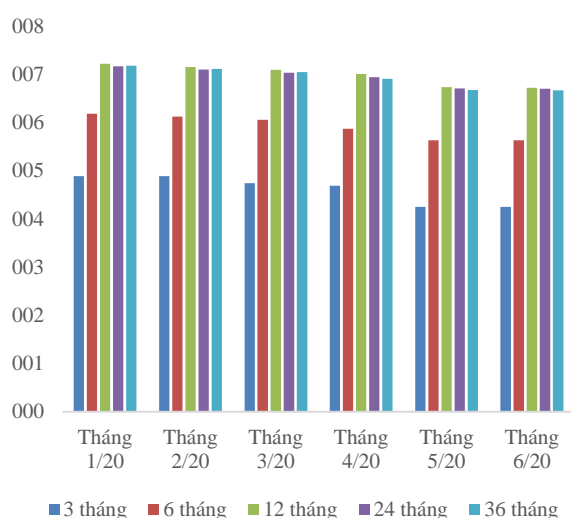
¹⁴ Theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016

có động thái điều chỉnh các mức lãi suất điều hành. Đồng thời, diễn biến tích cực đáng chú ý đó là xu hướng giảm của lãi suất không chỉ xuất hiện đối với các kỳ hạn huy động ngắn theo tín hiệu của NHNN mà lãi suất huy động kỳ hạn dài cũng đã điều chỉnh giảm đáng kể - đảo chiều so với diễn biến của cùng thời điểm năm ngoái.

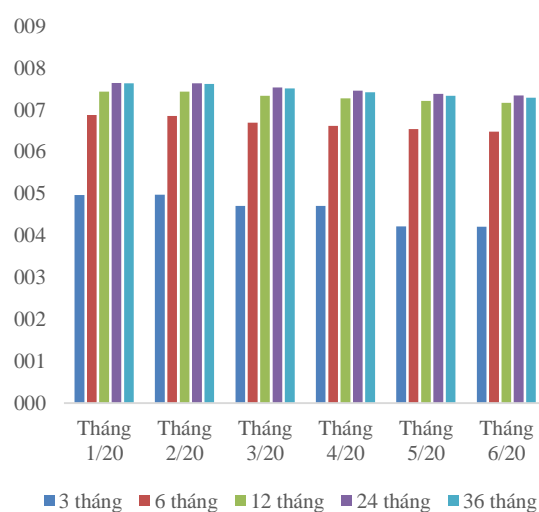
Tính đến cuối tháng 6 năm 2020, lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng tại 04 NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước lớn đã giảm 0,55 điểm phần trăm so với đầu năm, niêm yết phổ biến ở mức 4,25%/năm; lãi suất huy động kỳ hạn 6 tháng giảm 0,4 điểm phần trăm, niêm yết phổ biến ở mức 4,9%/năm; lãi suất huy động kỳ hạn từ 12 tháng trở lên đã giảm trong khoảng 0,3 – 0,5 điểm phần trăm, niêm yết trong khoảng 6,3 – 6,5%/năm.

Bên cạnh đó, trong khối các NHTM CP khảo sát, lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng đã giảm mạnh trong khoảng 0,75 – 0,85 điểm phần trăm, niêm yết trong khoảng 4 – 4,25%/năm; lãi suất huy động kỳ hạn từ 6 tháng trở lên đã giảm trong khoảng 0,2 – 0,9 điểm phần trăm, lãi suất huy động kỳ hạn 6 tháng niêm yết trong khoảng 6 – 7,25%/năm và lãi suất huy động kỳ hạn từ 12 tháng trở lên niêm yết phổ biến trong khoảng 6,1 – 7,8%/năm. Trong đó, một điểm tích cực đáng chú ý là mức lãi suất huy động cao nhất hiện nay trong hệ thống đã thấp hơn 8%/năm - một mức lãi suất khá phổ biến trong nửa cuối năm ngoái đối với các kỳ hạn huy động dài.

Diễn biến lãi suất huy động bình quân của Khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước (%)



Diễn biến lãi suất huy động bình quân của Khối NHTM Cổ phần (%)



Nguồn: Tổng hợp

Lãi suất cho vay giảm

Kết thúc 6 tháng đầu năm, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của TCTD đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên giảm 1 điểm phần trăm so với cuối năm ngoái. Hiện mặt bằng lãi suất cho vay VND phổ biến ở mức 6,0-9,0%/năm đối với ngắn hạn; 9,0-11%/năm đối với trung và dài hạn.

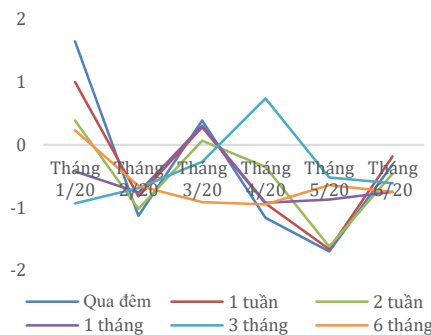
Bên cạnh đó, lãi suất cho vay USD giảm ở tất cả các kỳ hạn, giảm trong khoảng từ 0,2 – 0,3 điểm phần trăm so với cuối năm ngoái. Hiện tại, lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 3,0-6,0%/năm; trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 3,0-4,5%/năm, lãi suất cho vay trung, dài hạn ở mức 4,2-6,0%/năm.

Lãi suất liên ngân hàng giảm mạnh

Trong 6 tháng đầu năm, lãi suất liên ngân hàng đã giảm mạnh, mỗi kỳ hạn đều có diễn biến giảm xuất hiện từ 3 – 5 tháng, trong đó phần lớn các kỳ hạn có chuỗi giảm liên tục trong quý II. Về cơ bản thì thực tế này cũng giống như cùng kỳ năm ngoái nhưng mức độ giảm của lãi suất liên ngân hàng đã mạnh hơn ở tất cả các kỳ hạn. Các kỳ hạn huy động ngắn (qua đêm – 2 tuần) giảm trong khoảng 2,29 – 2,81 điểm phần trăm; kỳ hạn huy động từ 1 tháng – 6 tháng giảm trong khoảng 1,61 – 3,37 điểm phần trăm và kỳ hạn huy động 12 tháng giảm 1,04 điểm phần trăm. Với diễn biến giảm mạnh như vậy, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn từ qua đêm – 1 tháng đều đã thấp hơn 1%/năm vào thời điểm cuối quý II. Cụ thể, kết thúc tháng 6, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn (qua đêm – 2 tuần) giao dịch lần lượt ở mức 0,15%/năm; 0,43%/năm; 0,36%/năm; lãi suất kỳ hạn từ 1 tháng trở lên giao dịch lần lượt là 0,66%/năm; 2,3%/năm; 3,69%/năm và 4,82%/năm.

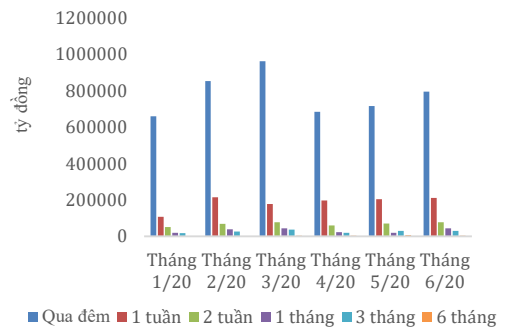
Diễn biến lãi suất liên ngân hàng

Đơn vị: (%)



Diễn biến doanh số liên ngân hàng

Đơn vị: (tỷ đồng)



Nguồn: NHNN

Tỷ giá tăng thấp hơn so với 6 tháng đầu năm 2019

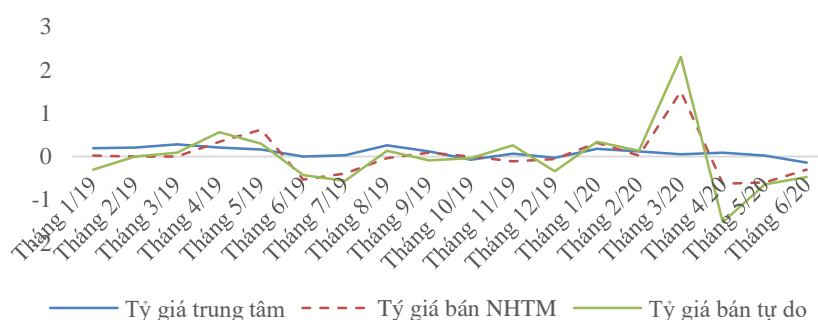
Diễn biến tỷ giá của đồng USD so với đồng VND về cơ bản là phù hợp, tỷ giá trung tâm được điều chỉnh tăng ở mức 0,32% so với cuối năm ngoái, trong đó có 05 tháng điều chỉnh tăng và 01 tháng điều chỉnh giảm – diễn biến khá sát với xu hướng của đồng USD trên thị trường quốc tế. Kết thúc tháng 6, tỷ giá trung tâm ở mức 23.229 USD/VND, với biên độ ±3% đang áp dụng, tỷ giá trần cho các ngân hàng thương mại vào ngày giao dịch cuối tháng là 23.926 USD/VND và tỷ giá sàn là 22.532 USD/VND.

Bên cạnh đó, tỷ giá niêm yết trên sổ giao dịch của NHNN giữ nguyên mức giá mua vào trong 6 tháng ở mức 23.175 USD/VND trong khi tỷ giá bán ra đã có 02 tháng tăng và 01 tháng giảm trong quý I trước khi giữ ổn định trong suốt quý II và kết thúc giảm 0,61% so với đầu năm. Trong tháng 3, để phát tín hiệu ổn định thị trường khi đồng USD đang có xu hướng giảm trên thị trường quốc tế nhưng tỷ giá giao dịch trên thị trường trong nước đang có biến động vào tuần giao dịch cuối tháng, tỷ giá bán niêm yết trên Sổ giao dịch của NHNN đã giảm mạnh ở mức 1,07% vào ngày 24/3, tương đương với 257 đồng và được giữ nguyên cho đến cuối tháng 6 ở mức 23.650 USD/VND.

Tỷ giá giao dịch tại các NHTM và trên thị trường tự do cũng tăng thấp hơn so với cùng thời điểm của năm ngoái. Trong đó, tỷ giá đã có diễn biến tăng trong suốt 3 tháng của quý I và giảm liên tiếp trong quý II. Tỷ giá giao dịch tại Vietcombank tại thời điểm khảo sát cuối tháng 6 tăng lần lượt ở mức 0,06 – 0,31% (mua vào - bán ra). Tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do tăng lần lượt là 0,23 – 0,14% (mua vào - bán ra). Trong 6 tháng, diễn biến của tỷ giá trên thị trường cũng ghi nhận những biến động mạnh trong tháng 3 và tháng 4. Theo đó,

tỷ giá giao dịch trên cả thị trường chính thức và tự do đều tăng mạnh trong tháng 3, lần lượt ở mức 1,42% (Vietcombank) – 2,43% (thị trường tự do) đối với giá mua USD và tăng 1,5% (Vietcombank) – 2,3% (thị trường tự do) đối với giá bán USD. Mặc dù vậy, đây là một diễn biến chịu tác động nhiều bởi áp lực tâm lý nên ngay khi NHNN đã có những động thái chính sách ổn định thị trường thông qua tín hiệu tỷ giá bán giao dịch trên Sở giao dịch của NHNN, tỷ giá trên cả hai thị trường đã giảm mạnh trong tháng 4, lần lượt ở mức 0,72% (Vietcombank) – 1,69% (thị trường tự do) đối với giá mua USD và giảm 0,63% (Vietcombank) – 1,52% (thị trường tự do) đối với giá bán USD. Kết thúc tháng 6/2020, tỷ giá giao dịch của Vietcombank tại thời điểm khảo sát là 23.120 – 23.300 USD/VND (mua vào – bán ra) và tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do thấp hơn khoảng 50 – 80 đồng, giao dịch ở mức 23.170 – 23.220 USD/VND (mua vào – bán ra).

Đồ thị Diễn biến tỷ giá USD/VND



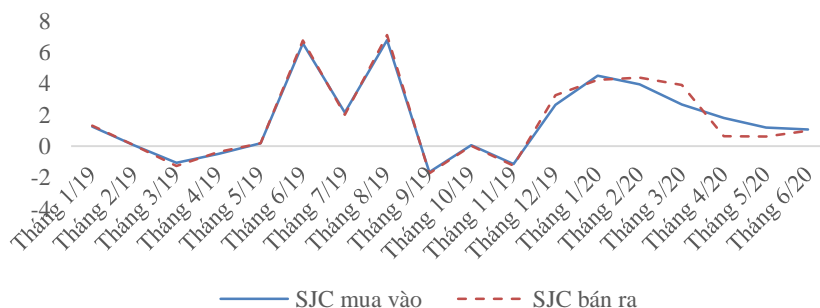
Nguồn: NHNN

Giá vàng tăng mạnh theo giá vàng quốc tế

Trong 6 tháng đầu năm, giá vàng đã tăng mạnh, lớn hơn 2 lần so với mức tăng của năm ngoái. Giá vàng SJC đã tăng khoảng 15% ở cả chiều mua vào và chiều bán ra. Diễn biến của giá vàng trong nước đã diễn biến khá sát với giá vàng thế giới kể cả xu hướng cũng như mức độ tăng – đây là một diễn biến ít khi xuất hiện trong những năm gần đây, thậm chí giá vàng đã tăng liên tục trong 6 tháng. Giá vàng tăng mạnh trong quý I với tổng mức tăng hơn 10%, tăng thấp hơn qua các tháng trong quý II. Mặc dù vậy, mức giá cao đã xuất hiện và được bảo vệ qua 3 tháng trong quý II. Cụ thể mức giá bán của vàng SJC cao trên 48 triệu đồng/lượng được thiết lập vào ngày giao dịch cuối của tháng 3 đã duy trì khá ổn định từ tháng 4/2020 cho đến khoảng 10 ngày giao dịch đầu tháng 6 trước khi có diễn biến tăng mạnh hướng đến mức giá trên 49 triệu đồng/lượng kéo dài trong 7 ngày giao dịch cuối tháng 6/2020. Trên thực tế, mức giá bán giao dịch trên 49 triệu đồng/lượng đã xuất hiện trong tháng 5 tuy nhiên cũng chỉ kéo dài được trong 03 ngày giao dịch và nhanh chóng giảm xuống mức giá trên 48 triệu đồng/lượng.

Bên cạnh đó, một diễn biến đáng chú ý khác của giá vàng trong quý II, đó là chênh lệch giá mua, bán đã thu hẹp đáng kể từ mức 800 nghìn – 1 triệu đồng/lượng trong quý I xuống còn 300 – 600 nghìn đồng/lượng trong tháng 5,6/2020 – sự thu hẹp này nhiều khả năng cũng phản ánh lực đẩy về mặt tâm lý trên thị trường. Tính đến cuối tháng 6, mức chênh lệch giá vàng trong nước với giá vàng quốc tế là hơn 700 nghìn/lượng, đồng thời so với đầu năm, mức chênh lệch giá mua – bán vàng SJC đã tăng khoảng 7 triệu đồng/lượng, giá giao dịch tại thời điểm khảo sát là 49,04 – 49,41 triệu đồng/lượng (mua vào – bán ra).

Diễn biến giá vàng trong nước

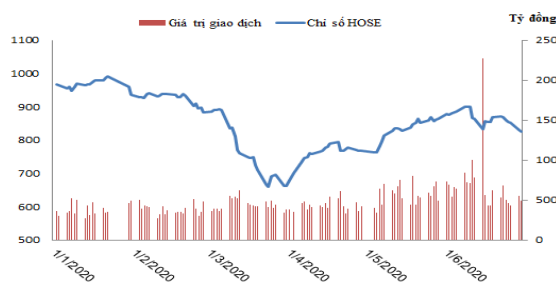


Nguồn: *sjc.com.vn*

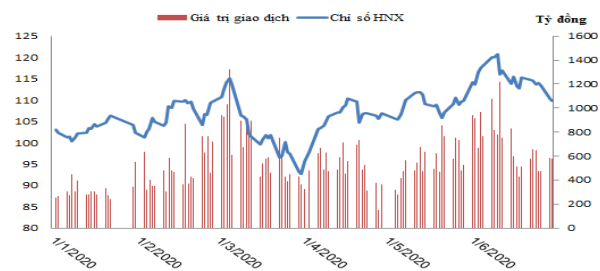
Thị trường chứng khoán Việt Nam biến động mạnh theo xu hướng thế giới

Nửa đầu năm 2020, thị trường chứng khoán Việt Nam bị tác động mạnh bởi dịch Covid-19 và diễn biến tương đối sát với thị trường chứng khoán thế giới. Cả 3 chỉ số đều giảm liên tiếp trong các tháng của Quý I, bắt đầu giảm mạnh kể từ đầu tháng 2 khi đại dịch Covid bắt đầu bùng phát trong nước và chạm đáy trong tuần cuối tháng 3. Sau đó, phục hồi mạnh trở lại trong tháng 4, tháng 5 nhờ nỗ lực phòng chống dịch Covid-19 thành công và biện pháp hỗ trợ nền kinh tế của Chính phủ. Tuy nhiên, các chỉ số lại điều chỉnh giảm trong tháng 6 để phù hợp với mức tăng trưởng mạnh trong hai tháng trước. Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/6, VN-Index dừng ở mức 825,11 điểm, giảm 14,14% so với cuối năm 2019. Nhiều cổ phiếu có tính dẫn dắt đều giảm điểm mạnh so với cuối năm ngoái như SAB giảm đến 29,9%, VIC giảm 22,6%, GAS giảm 26,4%,... Thị trường UPCOM giảm 1,84% so với cuối năm trước xuống còn 55,52 điểm. Trong khi đó, chỉ số HNX-Index tăng 7,1% so với cuối năm trước lên 109,76 điểm

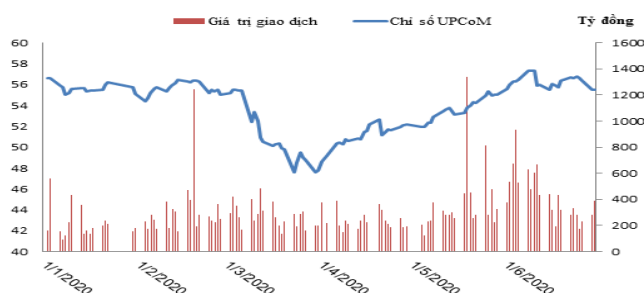
Diễn biến chỉ số HOSE nửa đầu năm 2020



Diễn biến chỉ số HNX nửa đầu năm 2020



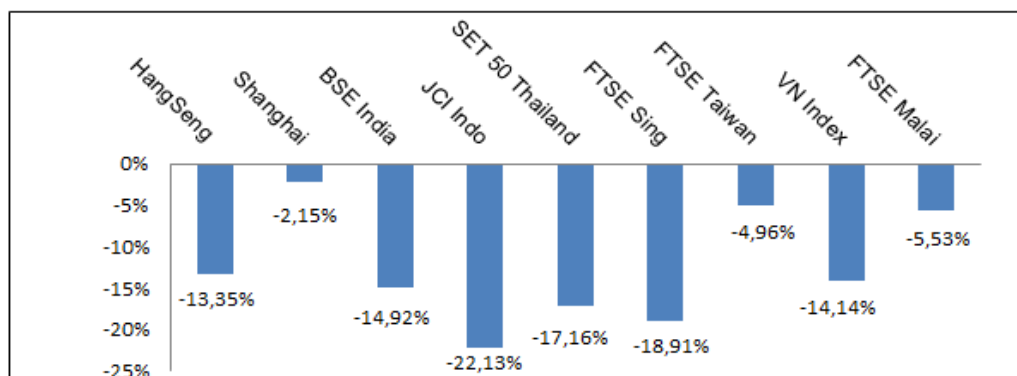
Diễn biến chỉ số UPCOM nửa đầu năm 2020



Nguồn: UBCK Nhà nước

Mặc dù kiểm soát tốt sự lây lan của dịch Covid-19 và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sớm trở lại bình thường nhưng thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn ghi nhận mức giảm khá cao so với các thị trường trong khu vực Châu Á với mức giảm 14,14% so với cuối năm ngoái.

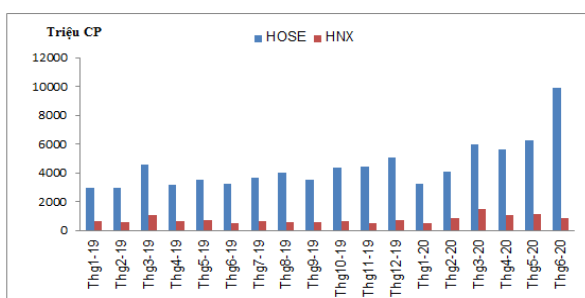
Mức biến động của TTCK Việt Nam so với một số thị trường trong khu vực 6T/2020



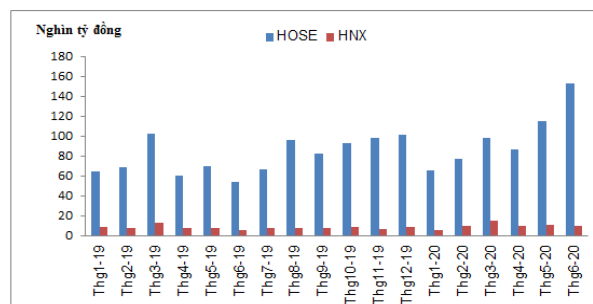
Nguồn: Bloomberg

Thanh khoản thị trường vẫn duy trì ở mức cao qua các tháng, đặc biệt thanh khoản có diễn biến tích cực trong tháng 6 khi tăng mạnh ở cả khối lượng giao dịch và giá trị giao dịch với sự quay trở lại của các nhà đầu tư nước ngoài.

Khối lượng giao dịch giai đoạn 1/2019 – 6/2020



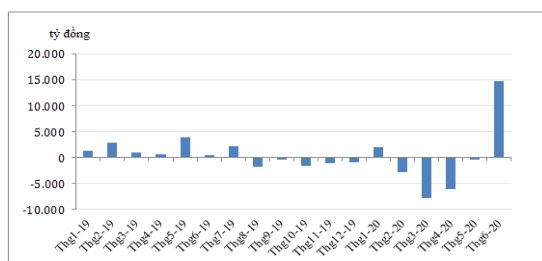
Giá trị giao dịch giai đoạn 1/2019 – 6/2020



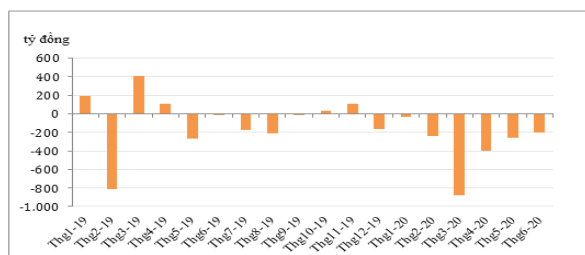
Nguồn: UBCKNN

Trên sàn HOSE, khối ngoại mua ròng trong tháng 1 và tháng 6, bán ròng liên tiếp trong 4 tháng từ tháng 2 đến tháng 5. Trong đó, đáng chú ý trong tháng 6 khối ngoại mua ròng mạnh ở mức 14,7 nghìn tỷ đồng. Trên sàn HNX, khối ngoại bán ròng trong toàn bộ 6 tháng đầu năm 2020. Tính chung trong nửa đầu năm 2020, khối ngoại bán ròng 0,56 nghìn tỷ trên sàn HOSE và 2,02 nghìn tỷ trên sàn HNX.

Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HOSE giai đoạn 1/2019 – 6/2020



Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HNX giai đoạn 1/2019 – 6/2020



Nguồn: UBCKNN

IV. TRIỂN VỌNG KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2020

Trong nửa đầu năm 2020, kinh tế Việt Nam đã có được nhiều kết quả đáng khích lệ trong bối cảnh kinh tế toàn cầu bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid – 19, Việt Nam về cơ bản đã đạt được mục tiêu kép, vừa kiểm soát được dịch bệnh, vừa đạt được tốc độ tăng trưởng dương. Trong khi đó, các quốc gia trên thế giới vẫn còn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn trên cả 2 mặt trận này. Đáng chú ý, tăng trưởng kinh tế của phần lớn các quốc gia đã sụt giảm nghiêm trọng trong quý I và được dự báo sẽ tăng trưởng âm hoặc rơi vào suy thoái trong năm 2020.

Tăng trưởng kinh tế trong quý II và 6 tháng đầu năm mặc dù ở mức thấp trong giai đoạn 10 năm trở lại đây nhưng đã trở thành động lực và điểm sáng trước những tác động của dịch bệnh. Trong đó, những khu vực sản xuất chủ lực như công nghiệp chế biến, chế tạo; xây dựng; nông nghiệp vẫn có được đà tăng, đóng góp tích cực vào mức tăng chung. Đóng góp của thị trường trong nước qua cầu phân tiêu dùng đã thể hiện được vai trò cứu cánh, tốc độ giải ngân vốn đầu tư công được cải thiện rõ nét. Thị trường tài chính, tiền tệ diễn biến ổn định, đáng chú ý là sự ổn định của tỷ giá, lãi suất giảm góp phần hỗ trợ khu vực doanh nghiệp trong nền kinh tế,...

Với những kết quả đã đạt được, các tổ chức nghiên cứu trong nước và tổ chức quốc tế cũng có những dự báo, nhận định khá tích cực cho tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2020. Theo đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng 2 kịch bản tăng trưởng là tăng 4,4 – 5,2% và 3,6 – 4,4%. Từ 2 kịch bản này, dự báo tốc độ tăng trưởng GDP trong năm nay là khoảng 4,5% và nếu tình hình thuận lợi, dịch bệnh được kiểm soát tốt, thị trường quốc tế phục hồi, phần đầu đạt mức tăng 5,4%. Bên cạnh đó, Viện nghiên cứu kinh tế VEPR đã đưa ra dự báo tăng trưởng kinh tế theo kịch bản lạc quan nhất sẽ có thể đạt 5,5%, Kịch bản trung tính và kịch bản bi quan lần lượt ở mức 3,9% và 1,7%. Trong khi đó, các tổ chức quốc tế có phần thận trọng hơn, cụ thể WB, IMF, Bloomberg, HSBC đều dự báo tăng trưởng Việt Nam trong năm 2020 sẽ trong khoảng 2,7 – 3%, ngoại trừ ADB đưa ra dự báo ở mức 4 – 4,1%.

Ngoài ra, các doanh nghiệp trong nền kinh tế cũng có được niềm tin tích cực vào triển vọng sản xuất, kinh doanh trong những tháng tới. Theo kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo do Tổng cục Thống kê thực hiện cho thấy, có 80,6% số doanh nghiệp nhận định sản xuất, kinh doanh quý III/2020 tốt lên và giữ ổn định. Trong khi đó, theo kết quả điều tra lần trước, chỉ có 59,2% doanh nghiệp có thái độ lạc quan đó. Bên cạnh đó, khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước lạc quan nhất với 82,6% số doanh nghiệp dự báo tình hình sản xuất kinh doanh quý III/2020 tốt hơn và giữ ổn định so với quý II/2020; tỷ lệ này ở khu vực doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài lần lượt là 79,7% và 75,9%.

Mặc dù vậy, để đạt được mục tiêu tăng trưởng 6,8% như đã đề ra cho năm 2020 là một thách thức rất lớn đặc biệt khi nền kinh tế vẫn đang phải đối mặt với sự bất ổn có thể xuất hiện bất cứ lúc nào từ những diễn biến đáng chú ý sau:

1/ Tình hình dịch bệnh vẫn đang còn rất phức tạp trên thế giới, đặc biệt là tại các nền kinh tế đầu tàu sẽ là rào cản lớn nhất cho việc bứt phá các hoạt động kinh tế chủ chốt của Việt Nam trong 6 tháng cuối năm. Bên cạnh đó, những tác động bất lợi của dịch bệnh cũng sẽ ảnh hưởng đến các diễn biến tài chính, tiền tệ, giá cả toàn cầu sẽ gây nên những xáo trộn khó lường trước, tạo áp lực cho các cơ quan quản lý vĩ mô.

2/ Trong 6 tháng đầu năm nay, mặc dù đã có được sự phục hồi khá tích cực nhưng hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế đều có tốc độ tăng trưởng giảm thấp hơn so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt là những ngành, yếu tố dẫn dắt tăng trưởng như công nghiệp chế biến, chế tạo; dịch vụ thị trường; tiêu dùng ...

Bên cạnh đó, các cấu phần quan trọng khác của tăng trưởng kinh tế như xuất khẩu, đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài đang và tiếp tục phải đối mặt với nguy cơ thu hẹp trước những tác động của đại dịch.

3/ Áp lực lạm phát trong nước vẫn còn rất lớn khi chỉ số CPI bình trong 6 tháng so với cùng kỳ đã ở mức cao nhất trong 6 năm gần đây. Hiện tại, mặc dù có nhiều mặt hàng đã giảm giá song xu hướng này chưa có gì là chắc chắn trong bối cảnh giá dầu thế giới đã tăng liên tiếp trong quý II và các nước trong khối OPEC+, đã gia hạn thỏa thuận cắt giảm sản lượng 9,7 triệu thùng mỗi ngày tới tháng 7/2020; giá thịt lợn vẫn có khả năng tăng mạnh nếu dịch bùng phát tại Trung Quốc; Những tác động của thiên tai, lũ lụt theo quy luật; Sự gián đoạn chưa xác định điểm dừng trong chuỗi cung ứng,...

4/ Hoạt động của khu vực doanh nghiệp sẽ còn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, đặc biệt là những ngành bị ảnh hưởng mạnh bởi dịch bệnh. Số lượng các doanh nghiệp giải thể đã tăng mạnh so với cùng kỳ những năm trước. Và dự báo trong thời gian tới, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn gặp nhiều thách thức trong bối cảnh dịch bệnh còn khó lường, chưa kiểm soát trên phạm vi thế giới.

5/ Áp lực trong việc thúc đẩy tăng trưởng tín dụng trong nền kinh tế trong bối cảnh nhu cầu đóng băng, tình trạng khó khăn của doanh nghiệp gia tăng. Hiện nay, mặc dù Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành hữu quan thực hiện nhiều giải pháp để hỗ trợ vốn cho khu vực doanh nghiệp (các gói hỗ trợ vốn với lãi suất ưu đãi, cơ cấu lại nợ, giảm mặt bằng lãi suất, miễn giảm thuế,...) tuy nhiên nhu cầu vốn trong nền kinh tế vẫn rất thấp khi các hoạt động kinh tế chưa được khơi thông hoàn toàn. Hệ thống ngân hàng mặc dù luôn đồng hành để đáp ứng đủ nguồn vốn cho doanh nghiệp và người dân có nhu cầu vay vốn để phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh và nỗ lực trong việc thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, tuy nhiên để đảm bảo an toàn hệ thống, các TCTD cũng không thể cho vay bằng mọi giá – nguy cơ dẫn đến rủi ro gia tăng nợ xấu trong tương lai.

6/ Thâm hụt Ngân sách Nhà nước (NSNN) đang gia tăng mạnh trong 6 tháng đầu năm, dự báo có thể ở mức 5% trong năm 2020 (cao hơn so với các năm trước). Diễn biến này cũng dễ hiểu và có thể chấp nhận được trong bối cảnh hiện nay khi nguồn thu giảm trong khi các hoạt động chi gia tăng. Tuy nhiên thực tế này cần phải kiểm soát chặt chẽ, đặc biệt là hiệu quả của hoạt động chi để đảm bảo kỷ luật ngân sách không bị phá vỡ, hạn chế rủi ro phát sinh từ các hoạt động này sẽ ảnh hưởng tới tín nhiệm quốc gia, đặc biệt trong giai đoạn mà nền kinh tế đang nỗ lực để thu hút nhiều hơn nữa các nguồn lực cho một chặng đường phát triển mới của đất nước.

...